



HƯỚNG DẪN THAM GIA CÁC BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN CỦA CÔNG ƯỚC VŨ KHÍ SINH HỌC

Ấn bản sửa đổi (2015)

LIÊN HỢP QUỐC
GENEVA



Tài liệu này do Văn phòng Giải trừ quân bị Liên Hợp Quốc biên soạn
với sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu.

Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề giải trừ quân bị
Geneva, năm 2015

HƯỚNG DẪN THAM GIA CÁC BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN CỦA CÔNG ƯỚC VŨ KHÍ SINH HỌC

Ấn bản sửa đổi (tháng 02 năm 2015)

Vui lòng báo cáo mọi sai sót qua địa chỉ email: bwc@unog.ch

Mục lục

Mục I: Giới thiệu về tài liệu hướng dẫn.....	5
Mục II: Giới thiệu về các biện pháp xây dựng lòng tin (CBMs).....	6
Mục III: Hướng dẫn thực hiện việc nộp báo cáo	8
Mục IV: Bắt đầu thực hiện: Xác định nguồn lực và đầu mối liên hệ	10
Mục V: Hướng dẫn chi tiết về cách điền các biểu mẫu	12
Biểu mẫu A (Phần 1).....	12
Hướng dẫn điền Biểu mẫu A, Phần 1 (i) và Phần 1 (ii).....	13
Biểu mẫu CBM	15
Ví dụ về Biểu mẫu A, Phần 1 đã được hoàn thành.....	17
Biểu mẫu A (Phần 2).....	23
Hướng dẫn điền Biểu mẫu A, Phần 2	24
Biểu mẫu CBM	25
Ví dụ về Biểu mẫu A, Phần 2 đã được hoàn thành.....	28
Biểu mẫu B.....	34
Hướng dẫn điền Biểu mẫu B.....	35
Biểu mẫu CBM	36
Ví dụ về Biểu mẫu B đã được hoàn thành	38
Biểu mẫu C.....	41
Hướng dẫn điền Biểu mẫu C.....	41
Ví dụ về Biểu mẫu C đã được hoàn thành	42
Biểu mẫu D.....	43
Biểu mẫu E	44
Hướng dẫn điền Biểu mẫu E	44
Biểu mẫu CBM	47
Ví dụ về Biểu mẫu E đã được hoàn thành	48
Biểu mẫu F	49
Hướng dẫn điền Biểu mẫu F	49
Biểu mẫu CBM	52
Ví dụ về Biểu mẫu F đã được hoàn thành.....	53
Biểu mẫu G.....	58
Hướng dẫn điền Biểu mẫu G.....	58

Biểu mẫu CBM	60
Biểu mẫu khai báo trang bìa (Biểu mẫu 0)	63
Hướng dẫn điền Biểu mẫu 0	63
Mục VI: Các lần nộp tiếp theo: Duy trì và cập nhật thông tin.....	66
Mục VII: Nguồn tư vấn và hỗ trợ	68
Phụ lục I: Biểu mẫu thông tin về đầu mối liên hệ quốc gia.....	70
Phụ lục II: Mẫu công văn đề nghị cung cấp thông tin phục vụ cbm	72
Mẫu công văn CBM: Mẫu chung.....	73
Mẫu công văn CBM: Bộ Y tế	77
Mẫu công văn CBM: Bộ Nông nghiệp	79
Mẫu công văn CBM: Bộ Quốc phòng	81
Mẫu công văn CBM: Cơ quan pháp luật và cơ quan quản lý.....	83
Mẫu công văn CBM: Các năm tiếp theo.....	85

MỤC I

GIỚI THIỆU VỀ TÀI LIỆU HƯỚNG DẪN

Tài liệu hướng dẫn này được Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề Giải trừ quân bị (UNODA) biên soạn với sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu (EU), trong khuôn khổ Hành động chung của Liên minh châu Âu giai đoạn 2009 - 2011 và Quyết định của Hội đồng Liên minh châu Âu giai đoạn 2012 - 2014 nhằm hỗ trợ việc thực thi Công ước vũ khí sinh học (BWC).

Mục đích của tài liệu là cung cấp hướng dẫn và khuyến nghị mang tính thực tiễn cho các cán bộ, công chức chịu trách nhiệm chuẩn bị báo cáo Các Biện pháp xây dựng lòng tin (CBMs) theo Công ước vũ khí sinh học. Nội dung tài liệu bao gồm:

- Thông tin nền về quy trình thực hiện CBMs;

- Hướng dẫn chung để chuẩn bị tham gia cơ chế CBMs;

- Hướng dẫn chi tiết về việc thu thập các thông tin cụ thể cần thiết đối với từng biểu mẫu CBM.

Tài liệu này chỉ có giá trị như một tài liệu hướng dẫn thực tiễn và không có giá trị pháp lý chính thức. Đối với các yêu cầu chính thức liên quan đến CBMs, cần tham khảo các quyết định được thông qua tại các Hội nghị rà soát của Công ước.

Tài liệu cũng đưa ra một số gợi ý về việc cung cấp các thông tin bổ sung ngoài những nội dung được yêu cầu trong các biểu mẫu CBM. Những gợi ý này chỉ nhằm hỗ trợ các quốc gia thành viên trong quá trình chuẩn bị báo cáo, không nhằm tạo ra hoặc hàm ý bất kỳ nghĩa vụ bổ sung nào đối với các quốc gia thành viên.

Tài liệu được cung cấp miễn phí cho các quốc gia thành viên và được xuất bản bằng sáu ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc, gồm tiếng Ả Rập, tiếng Trung Quốc, tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Nga và tiếng Tây Ban Nha.

MỤC II

GIỚI THIỆU VỀ CÁC BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN (CBMS)

Tại Hội nghị rà soát lần thứ hai của Công ước vũ khí sinh học năm 1986, các quốc gia thành viên đã nhất trí thiết lập Các Biện pháp xây dựng lòng tin (CBMs) nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu những mơ hồ, nghi ngờ và hoài nghi, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực các hoạt động sinh học vì mục đích hòa bình. Nội dung của CBMs được xây dựng tại cuộc họp của các chuyên gia khoa học và kỹ thuật vào tháng 4 năm 1987, sau đó được sửa đổi và mở rộng đáng kể tại Hội nghị rà soát lần thứ ba năm 1991. Hội nghị rà soát lần thứ sáu năm 2006 đã thông qua nhiều cải tiến đối với cơ chế nộp và phân phối báo cáo CBMs. Để tạo thuận lợi cho việc báo cáo, Hội nghị rà soát lần thứ bảy năm 2011 đã thông qua các biểu mẫu báo cáo sửa đổi, bao gồm sửa đổi Biểu mẫu A (Phần 1), loại bỏ một số nội dung của Biểu mẫu B, bãi bỏ Biểu mẫu D và sửa đổi Biểu mẫu E.

Mặc dù CBMs không được quy định trực tiếp trong nội dung của Công ước, Hội nghị rà soát lần thứ hai đã nhất trí rằng "các quốc gia thành viên sẽ thực hiện các biện pháp dưới đây trên cơ sở hợp tác lẫn nhau". Điều này có nghĩa là việc tham gia thực hiện CBMs là yêu cầu áp dụng đối với tất cả các quốc gia thành viên của Công ước.

Theo quyết định của Hội nghị rà soát lần thứ ba và lần thứ bảy, CBMs hiện bao gồm sáu biện pháp (hay sáu biểu mẫu), từ Biểu mẫu A đến Biểu mẫu G (Biểu mẫu D đã bị bãi bỏ tại Hội nghị rà soát lần thứ bảy), cụ thể như sau:

Biểu mẫu	Nội dung
Biểu mẫu A (Phần 1)	Trao đổi dữ liệu về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm
Biểu mẫu A (Phần 2)	Trao đổi thông tin về các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia trong lĩnh vực phòng thủ sinh học
Biểu mẫu B	Trao đổi thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự do độc tố gây ra
Biểu mẫu C	Khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu và thúc đẩy việc sử dụng tri thức
Biểu mẫu E	Tuyên bố về hệ thống pháp luật, các quy định và các biện pháp khác
Biểu mẫu F	Tuyên bố về các hoạt động trước đây trong các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học phục vụ mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ

Biểu mẫu	Nội dung
Biểu mẫu G	Tuyên bố về các cơ sở sản xuất vắc xin

Ngoài sáu biểu mẫu trên, còn có một tờ khai trang bìa, thường được gọi là "Biểu mẫu 0". Biểu mẫu này liệt kê toàn bộ các CBMs và yêu cầu quốc gia thành viên lựa chọn một trong các phương án đối với từng biện pháp: "Không có nội dung để khai báo" hoặc "Không có nội dung mới để khai báo". Trường hợp lựa chọn "Không có nội dung mới để khai báo", quốc gia thành viên phải ghi rõ "Năm của lần khai báo gần nhất". Biểu mẫu này cũng yêu cầu cung cấp thông tin về quốc gia thành viên nộp báo cáo, bao gồm cả đầu mối liên lạc quốc gia.

MỤC III

HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN VIỆC NỘP BÁO CÁO

Thời hạn nộp báo cáo

Thời hạn hằng năm để các quốc gia thành viên nộp báo cáo CBMs là ngày 15 tháng 4. Thông tin được báo cáo phải phản ánh tình hình của năm dương lịch trước đó (ví dụ, báo cáo CBMs cho năm 2001 phải được nộp chậm nhất vào ngày 15 tháng 4 năm 2002).

Các quốc gia thành viên cần cố gắng tuân thủ thời hạn này. Tuy nhiên, trong trường hợp thật sự cần thiết, báo cáo CBMs vẫn có thể được nộp sau thời hạn quy định. Việc nộp báo cáo muộn vẫn tốt hơn là không nộp báo cáo. Trên thực tế, thời gian cần thiết để xác định và thu thập các thông tin liên quan, đặc biệt là trong lần đầu thực hiện báo cáo, thường dễ bị đánh giá thấp. Do đó, trong quá trình lập kế hoạch và phối hợp nội bộ, nên quy định thời hạn để các bộ, ngành, cơ quan hoặc tổ chức có liên quan cung cấp thông tin đủ sớm, tạo điều kiện hoàn thành báo cáo đúng thời hạn; đồng thời, nếu cần, có thể kiểm tra số liệu đã được cung cấp và làm rõ những nội dung còn chưa thống nhất.

Tải biểu mẫu báo cáo

Các biểu mẫu CBMs để trống bằng sáu ngôn ngữ chính thức của Liên hợp quốc có thể được tải từ mục CBMs trên trang thông tin điện tử của Công ước vũ khí sinh học tại địa chỉ:

<http://www.unog.ch/bwc/CBMs>

Các biểu mẫu này được đính kèm tại Mục V của tài liệu hướng dẫn này.

Nộp báo cáo CBMs

Các báo cáo CBMs cần được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước vũ khí sinh học (BWC - ISU), thuộc Chi nhánh Geneva của Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề Giải trừ quân bị.

Các quốc gia thành viên được khuyến khích gửi báo cáo bằng phương thức điện tử (định dạng Microsoft Word, RTF hoặc PDF) tới Đơn vị hỗ trợ thực thi qua địa chỉ thư điện tử: bwc@unog.ch.

Mọi báo cáo gửi qua thư điện tử đều sẽ được xác nhận đã tiếp nhận.

Ngoài ra, nếu có nhu cầu, quốc gia thành viên cũng có thể gửi bản giấy kèm theo công hàm của Phái đoàn thường trực tại Geneva đến địa chỉ:

BWC Implementation Support Unit

United Nations Office for Disarmament Affairs (Geneva Branch)

Room C.1-1, Palais des Nations

1211 Geneva 10 Switzerland

Fax: +41 (0)22 917 04 83

Hình thức công bố báo cáo

Các báo cáo CBMs sau khi được tiếp nhận sẽ được đăng tải trong vùng truy cập hạn chế trên trang thông tin điện tử của Đơn vị hỗ trợ thực thi (ISU) dành riêng cho các quốc gia thành viên, tại địa chỉ:

<http://www.unog.ch/bwc/restricted>

(trừ trường hợp quốc gia thành viên nộp báo cáo có yêu cầu khác)

Đối với những báo cáo không được đăng tải trên trang thông tin điện tử, ISU sẽ gửi tới các quốc gia thành viên dưới dạng đĩa CD-ROM hoặc bản in.

Một số quốc gia thành viên đã lựa chọn công bố công khai báo cáo CBMs của mình trên vùng công khai của trang thông tin điện tử. Các báo cáo này có thể được tra cứu tại mục "CBM Returns" theo địa chỉ:

<http://www.unog.ch/bwc/cbms>

MỤC IV:

BẮT ĐẦU THỰC HIỆN:

XÁC ĐỊNH NGUỒN LỰC VÀ ĐẦU MỐI LIÊN HỆ

Để thu thập đầy đủ các thông tin cần thiết cho các biểu mẫu CBMs, ngay từ đầu quá trình chuẩn bị, cần xác định rõ trách nhiệm thực hiện, đồng thời nhận diện các nguồn lực và đầu mối liên hệ trong cơ quan nhà nước có khả năng tiếp cận các dữ liệu liên quan. Mục này đưa ra một số hướng dẫn về cách thức thu thập các thông tin đó.

Đầu mối liên lạc quốc gia và đầu mối tại các cơ quan

Bước đầu tiên trong quá trình thực hiện CBMs là mỗi quốc gia chỉ định một đầu mối liên lạc quốc gia, nếu trước đó chưa thực hiện việc này. Đầu mối liên lạc quốc gia có trách nhiệm điều phối việc thực hiện Công ước ở cấp quốc gia, trao đổi với các quốc gia thành viên khác và các tổ chức quốc tế có liên quan, thúc đẩy trao đổi thông tin và các hoạt động hướng tới việc phổ cập Công ước, đồng thời chủ trì việc chuẩn bị và nộp báo cáo CBMs.

Quốc gia có thể chỉ định một cá nhân cụ thể hoặc chỉ định theo chức danh, chức vụ (ví dụ: "Trưởng phòng Vũ khí hủy diệt hàng loạt"), nhằm tạo thuận lợi khi có sự thay đổi về nhân sự. Thông tin về đầu mối liên lạc quốc gia cần được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi (ISU). Mẫu "Thông tin đầu mối liên lạc quốc gia" được đính kèm tại Phụ lục I và cũng có thể tải từ trang thông tin điện tử của Công ước vũ khí sinh học.

Bên cạnh đầu mối liên lạc quốc gia, việc chỉ định các đầu mối tại các bộ, ngành có liên quan cũng rất hữu ích. Những đầu mối này nên là cán bộ giữ vị trí có khả năng tiếp cận các thông tin cần thiết để hoàn thành các biểu mẫu CBMs. Khác với đầu mối liên lạc quốc gia, các đầu mối này không cần thông báo cho ISU, vì vai trò của họ là hỗ trợ đầu mối liên lạc quốc gia trong quá trình chuẩn bị báo cáo CBMs.

Để xác định các đầu mối phù hợp, nên xây dựng danh sách liên hệ của tất cả các bộ, ngành, cơ quan hoặc tổ chức trong nước có khả năng lưu giữ các dữ liệu cần thiết. Trong giai đoạn đầu, nên mở rộng phạm vi xác định các đơn vị liên quan nhằm bảo đảm không bỏ sót nguồn thông tin.

Trong quá trình đề nghị các cơ quan cung cấp thông tin phục vụ CBMs, việc sử dụng các mẫu công văn dự thảo sẽ giúp nâng cao hiệu quả phối hợp. Mỗi nhóm thông tin cần có văn bản đề nghị riêng với nội dung rõ ràng, phù hợp. Một số mẫu văn bản tham khảo được trình bày tại Phụ lục II.

Lưu ý về tiến độ thực hiện

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia thành viên cho thấy việc tổ chức một cuộc họp liên ngành của các đầu mối vào tháng 1 hằng năm là rất hữu ích nhằm tập hợp

các cơ quan có liên quan. Các cuộc họp này giúp thống nhất việc thu thập dữ liệu, phân công trách nhiệm và xác định thời hạn hoàn thành đối với từng đầu mối.

Trong trường hợp chưa nhận được phản hồi từ các cơ quan liên quan, nên chủ động gửi văn bản hoặc thư nhắc vào đầu tháng 2. Mục tiêu là hoàn thành bản dự thảo tổng hợp vào giữa tháng 3 để có đủ thời gian rà soát, bổ sung và xử lý các nội dung còn thiếu hoặc chưa rõ trước khi nộp báo cáo.

Nếu đến gần thời hạn nộp mà vẫn chưa thể thu thập đầy đủ thông tin, quốc gia thành viên vẫn có thể nộp báo cáo với những thông tin đã có, sau đó gửi bổ sung phần còn thiếu dưới hình thức phụ lục bổ sung.

Một số lưu ý khác

Cần lưu ý rằng một số dữ liệu phục vụ việc hoàn thành các biểu mẫu CBMs có thể không được quản lý ở cấp trung ương mà được lưu giữ tại cấp tỉnh hoặc địa phương. Vì vậy, nhiều quốc gia thành viên chủ động thiết lập liên hệ với các cơ quan cấp địa phương ngay từ đầu quá trình để bảo đảm việc thu thập thông tin được thực hiện kịp thời.

Ngoài ra, thông tin cần thiết cho một số biểu mẫu (ví dụ Biểu mẫu B và Biểu mẫu E) có thể đã được các cơ quan có thẩm quyền chuẩn bị trước đó để phục vụ việc báo cáo hoặc khai báo theo các điều ước quốc tế hoặc cơ chế quốc tế khác. Nhiều quốc gia đã tận dụng các nguồn thông tin này hoặc dẫn đường liên kết tới các báo cáo tương ứng. Một số tổ chức và cơ chế quốc tế thường yêu cầu các báo cáo tương tự gồm:

Tổ chức Y tế thế giới (WHO);

Nghị quyết 1540 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc;

Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO);

Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH).

Cuối cùng, đối với một số biểu mẫu, việc thu thập thông tin có thể được thực hiện hiệu quả thông qua các nguồn ngoài cơ quan nhà nước trên Internet. Có thể sử dụng các công cụ tìm kiếm để thu thập những thông tin cơ bản về các phòng thí nghiệm, các công trình công bố khoa học và chính sách công bố của các tổ chức. Đồng thời, cũng có thể liên hệ trực tiếp với các hiệp hội nghề nghiệp, các trường đại học và các cơ sở nghiên cứu có liên quan.

Các cán bộ chịu trách nhiệm tổng hợp báo cáo CBMs được khuyến khích chủ động liên hệ với Đơn vị hỗ trợ thực thi (ISU) hoặc các tổ chức, cơ quan có chức năng hỗ trợ việc thực hiện CBMs được giới thiệu tại Mục VII của tài liệu này ngay từ giai đoạn đầu của quá trình chuẩn bị. Trong trường hợp cần hỗ trợ, các quốc gia thành viên cũng nên khai thác Cơ sở dữ liệu về Hỗ trợ và Hợp tác, hiện được cung cấp trong vùng truy cập hạn chế trên trang thông tin điện tử của Công ước vũ khí sinh học dành cho các quốc gia thành viên.

MỤC V:

HƯỚNG DẪN CHI TIẾT VỀ CÁCH ĐIỀN CÁC BIỂU MẪU

Phần này lần lượt hướng dẫn cách hoàn thành từng biểu mẫu. Đối với mỗi biểu mẫu, nội dung bao gồm các hướng dẫn điền biểu mẫu đã được thống nhất tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba và lần thứ Bảy, hướng dẫn bổ sung được xây dựng cho tài liệu này, một bản mẫu biểu để trống và một ví dụ về biểu mẫu đã được điền hoàn chỉnh. Các biểu mẫu để trống và phần nội dung kèm theo được Hội nghị rà soát lần thứ Ba và lần thứ Bảy thông qua được trình bày trên nền màu xám; các ví dụ về biểu mẫu đã hoàn thành được trình bày trong các khung nền trắng.

Biểu mẫu A (Phần 1)

BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “A”

Phần 1: Trao đổi dữ liệu về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

Tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba, các quốc gia thành viên đã thống nhất tiếp tục thực hiện nội dung sau:

“Trao đổi thông tin, bao gồm tên, địa điểm, phạm vi hoạt động và mô tả khái quát về các hoạt động của các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn an toàn quốc gia hoặc quốc tế ở mức rất cao, được thiết lập để xử lý, vì các mục đích được phép, các vật liệu sinh học có nguy cơ cao đối với cá nhân và cộng đồng hoặc chuyên thực hiện các hoạt động sinh học được phép có liên quan trực tiếp đến Công ước.”

Phương thức thực hiện

Hội nghị rà soát lần thứ Ba đã thống nhất các quy định sau đây, sau đó được sửa đổi tại Hội nghị rà soát lần thứ Bảy.

Các quốc gia thành viên phải cung cấp thông tin về từng cơ sở, nằm trong lãnh thổ hoặc thuộc quyền tài phán hay kiểm soát của mình ở bất kỳ nơi nào, có phòng thí nghiệm an toàn sinh học mức độ bảo vệ tối đa đáp ứng các tiêu chí đối với loại phòng thí nghiệm này theo quy định tại phiên bản mới nhất của Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm của Tổ chức Y tế Thế giới¹ (WHO) và/hoặc Cẩm nang Thú y trên cạn của Tổ chức Thú y Thế giới² (WOAH), hoặc các hướng dẫn tương đương do các tổ chức quốc tế có liên quan ban hành, chẳng hạn như các phòng thí nghiệm được phân loại là cấp độ an toàn sinh học 4 (BL4, BSL4 hoặc P4) hoặc các tiêu chuẩn tương đương.

Các quốc gia thành viên không có cơ sở đáp ứng tiêu chí đối với phòng thí nghiệm bảo vệ tối đa nêu trên tiếp tục thực hiện Biểu mẫu A, Phần 1 (ii).

¹ Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

² Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH)

Hướng dẫn điền Biểu mẫu A, Phần 1 (i) và Phần 1 (ii)

Để hoàn thành Biểu mẫu A, Phần 1, bước đầu tiên là xác định các cơ sở có phòng thí nghiệm an toàn sinh học mức độ bảo vệ tối đa đáp ứng các tiêu chí được quy định trong *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và *Cẩm nang Thú y trên cạn* của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH). Nhìn chung, điều này đề cập đến các phòng thí nghiệm cấp độ an toàn sinh học 4 (BL4), được thiết kế để làm việc với các vi sinh vật thuộc Nhóm nguy cơ 4. Theo *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm*, đây là các tác nhân gây bệnh thường gây ra “bệnh nghiêm trọng ở người hoặc động vật và có thể dễ dàng lây truyền từ cá thể này sang cá thể khác, trực tiếp hoặc gián tiếp. Thông thường chưa có biện pháp điều trị hoặc phòng ngừa hiệu quả.”

Nếu quốc gia của bạn không có phòng thí nghiệm BL4 hoặc không sử dụng hệ thống phân loại phòng thí nghiệm của WHO hoặc WOAH, chúng tôi khuyến nghị, nhằm tăng cường tính minh bạch, nên điền Biểu mẫu A, Phần 1 đối với các phòng thí nghiệm trong nước xử lý các tác nhân gây bệnh thường gây bệnh nghiêm trọng ở người hoặc động vật, có khả năng lây truyền dễ dàng từ cá thể này sang cá thể khác, trực tiếp hoặc gián tiếp, và hiện chưa có biện pháp điều trị hoặc phòng ngừa hiệu quả. Do mối liên hệ chặt chẽ giữa bệnh ở người và bệnh ở động vật, cần lưu ý không bỏ sót các phòng thí nghiệm thú y khi xác định các cơ sở phải báo cáo theo biểu mẫu này. Ngoài ra, cũng nên cân nhắc cung cấp thông tin về các cơ sở nghiên cứu các tác nhân gây bệnh trên thực vật có liên quan. (Lưu ý rằng đây chỉ là các khuyến nghị; yêu cầu bắt buộc của Biểu mẫu A, Phần 1 (i) chỉ là báo cáo các phòng thí nghiệm BL4 hoặc các phòng thí nghiệm có tiêu chuẩn tương đương.)

Tại nhiều quốc gia, Bộ Y tế là cơ quan lưu giữ các thông tin này; ngoài ra, các bộ phụ trách quốc phòng, khoa học, công nghệ hoặc giáo dục cũng có thể là các cơ quan liên quan. Cần tham vấn các bộ hoặc cơ quan phụ trách nông nghiệp để xác định các phòng thí nghiệm bảo vệ tối đa đang nghiên cứu hoặc lưu giữ các tác nhân gây bệnh trên động vật hoặc thực vật. Các bộ phụ trách pháp luật về an toàn, an ninh sinh học, công nghệ gen hoặc các quy trình quản lý khác liên quan đến cơ sở an toàn sinh học cũng có thể cần được liên hệ. Ngoài ra, các hiệp hội nghề nghiệp, tổ chức chuyên môn, hội đồng nghiên cứu và cơ quan quản lý trung ương của các trường đại học cũng có thể cung cấp thông tin về các cơ sở liên quan và đầu mối liên hệ.

Bộ hoặc cơ quan có trách nhiệm có thể đã lưu trữ sẵn các thông tin cần thiết về các cơ sở này; trong trường hợp đó, chỉ cần chuyển các dữ liệu vào biểu mẫu CBM. Trường hợp chưa có sẵn, có thể cần liên hệ trực tiếp với từng cơ sở để thu thập các thông tin cần thiết về hoạt động của họ. Khi đó, đầu mối quốc gia về CBM cần duy trì danh sách cập nhật các cơ sở và đầu mối liên hệ tại các bộ, ngành liên quan cũng như, nếu có thể, tại chính các cơ sở đó.

Cách điền biểu mẫu:

Biểu mẫu A, Phần 1 cần được hoàn thành đối với từng cơ sở phải khai báo.

1. Tên cơ sở. Liệt kê tất cả các tên gọi thông dụng mà cơ sở được biết đến.
 2. Cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp công hoặc tư chịu trách nhiệm. Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp sở hữu, vận hành hoặc chịu trách nhiệm đối với cơ sở. Nếu chưa rõ, thông tin này có thể được tìm thấy trên trang thông tin điện tử của cơ sở.
 3. Địa điểm và địa chỉ bưu chính. Ghi rõ vị trí và địa chỉ bưu chính của cơ sở. Có thể bổ sung thêm các thông tin liên hệ khác như số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và trang thông tin điện tử.
 4. Nguồn kinh phí của hoạt động được khai báo, bao gồm việc xác định hoạt động đó có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không. Thông tin này thường có thể thu thập từ bộ phận kế toán, hồ sơ công khai hoặc các tài liệu tài chính như hồ sơ thuế.
 5. Số lượng các đơn vị bảo vệ tối đa trong trung tâm nghiên cứu và/hoặc phòng thí nghiệm, kèm theo diện tích tương ứng của từng đơn vị (m^2). Thông tin này thường có tại bộ phận quản lý phòng thí nghiệm, sơ đồ mặt bằng hoặc bản vẽ thiết kế. Nếu không xác định được diện tích chính xác, có thể cung cấp số liệu ước tính nhưng cần ghi rõ đó là số liệu ước tính.
 6. Phạm vi và mô tả khái quát về các hoạt động, bao gồm loại vi sinh vật và/hoặc độc tố (nếu phù hợp). Liệt kê tất cả các hoạt động được thực hiện trong phòng thí nghiệm; thông tin này có thể được thu thập thông qua việc rà soát các dự án hiện tại và gần đây của phòng thí nghiệm. Cần đặc biệt lưu ý nêu rõ các loại vi sinh vật và/hoặc độc tố đang được sử dụng, nhất là các tác nhân từng có liên quan đến các chương trình vũ khí sinh học tấn công trong quá khứ.
- Biểu mẫu A, Phần 1 (ii) được điền trong trường hợp không có đơn vị bảo vệ tối đa nào được khai báo tại Biểu mẫu A, Phần 1 (i). Hãy ghi rõ cấp độ an toàn sinh học cao nhất đang được áp dụng tại các cơ sở xử lý tác nhân sinh học trên lãnh thổ quốc gia (BSL-3 hoặc, nếu không có cơ sở BSL-3, thì ghi BSL-2). Có thể bổ sung các thông tin liên quan khác khi cần thiết, chẳng hạn như mô tả ngắn gọn về các cơ sở và các hoạt động liên quan đang được thực hiện.

Biểu mẫu CBM***Biểu mẫu A, Phần 1 (i)***

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm³

1. Tên cơ sở⁴

2. Cơ quan, tổ chức hoặc doanh nghiệp công hoặc tư chịu trách nhiệm

3. Địa điểm và địa chỉ bưu chính

4. Nguồn kinh phí của hoạt động được khai báo, bao gồm việc xác định hoạt động đó có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không

5. Số lượng các đơn vị bảo vệ tối đa⁵ trong trung tâm nghiên cứu và/hoặc phòng thí nghiệm, kèm theo diện tích tương ứng của từng đơn vị (m²)

6. Phạm vi và mô tả khái quát về các hoạt động, bao gồm loại vi sinh vật và/hoặc độc tố (nếu phù hợp)

³ Các đơn vị bảo vệ tối đa là các mô-đun điều trị bệnh nhân cố định được tích hợp với phòng thí nghiệm phải được xác định và khai báo riêng.

⁴ Đối với các cơ sở có đơn vị bảo vệ tối đa tham gia Chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học, đề nghị ghi tên cơ sở và đánh dấu: “Được khai báo theo Biểu mẫu A, Phần 2 (iii)”.

⁵ Theo phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hoặc tiêu chuẩn tương đương.

Biểu mẫu A, Phần 1 (ii)

Nếu không có cơ sở BSL-4 nào được khai báo tại Biểu mẫu A, Phần 1 (i), hãy cho biết cấp độ an toàn sinh học cao nhất được áp dụng tại các cơ sở xử lý tác nhân sinh học⁶ trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên:

Cấp độ an toàn sinh học	Có/Không
Cấp độ an toàn sinh học 3 (BSL-3) ⁷	Có / Không
Cấp độ an toàn sinh học 2 (BSL-2) ⁸ (nếu áp dụng)	Có / Không

Thông tin bổ sung liên quan (nếu phù hợp):

⁶ Các vi sinh vật gây bệnh cho người và/hoặc động vật

⁷ Theo phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và/hoặc *Cẩm nang Thú y trên cạn* của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH), hoặc các hướng dẫn quốc tế tương đương được chấp nhận.

⁸ Theo phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và/hoặc *Cẩm nang Thú y trên cạn* của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH), hoặc các hướng dẫn quốc tế tương đương được chấp nhận.

Ví dụ về Biểu mẫu A, Phần 1 đã được hoàn thành

Biểu mẫu A, Phần 1 (i)

[Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do Australia nộp]

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

Phần trả lời của Australia đối với các mục từ 1 đến 6 của Biểu mẫu A, Phần 1 (i) được trình bày tại Phụ lục 1 dưới đây.

Phụ lục 1.1

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

Thông tin chung

Australia có bốn đơn vị bảo vệ tối đa đáp ứng tiêu chí của một “phòng thí nghiệm bảo vệ tối đa” theo quy định tại phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO).

Các cơ sở đó gồm:

- Phòng thí nghiệm Sức khỏe Động vật Australia (Australian Animal Health Laboratory – AAHL) (Phụ lục 1.2).
- Phòng thí nghiệm Kiểm dịch An ninh Cao Quốc gia (National High Security Quarantine Laboratory) (Phụ lục 1.3).
- Phòng thí nghiệm Vi-rút học thuộc Cơ quan Dịch vụ Pháp y và Khoa học Y tế bang Queensland (Queensland Health Forensic and Scientific Services Virology Laboratory) (Phụ lục 1.4).
- Đơn vị Ứng phó Bệnh truyền nhiễm Mới nổi và Nguy cơ Sinh học (Emerging Infectious Diseases and Biohazard Response Unit) (Phụ lục 1.5).

Thông tin về các cơ sở này liên quan đến các mục từ 1 đến 6 của Biểu mẫu A, Phần 1 (i) được trình bày dưới đây.

Phụ lục 1.2

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

1. Tên cơ sở

Phòng thí nghiệm Sức khỏe Động vật Australia (AAHL).

2. Cơ quan, tổ chức công hoặc tư chịu trách nhiệm

Tổ chức Nghiên cứu Khoa học và Công nghiệp Thịnh vượng chung Australia (CSIRO), Chính phủ Liên bang và Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp Australia, Chính phủ Liên bang.

Lưu ý: Australia áp dụng hệ thống chính quyền hai cấp, gồm Chính phủ Liên bang và, ở mức độ thấp hơn, chính quyền của sáu bang và hai vùng lãnh thổ; tất cả đều tham gia vào quá trình xây dựng và thực hiện chính sách của Chính phủ.

3. Địa điểm và địa chỉ bưu chính

Địa điểm	Địa chỉ bưu chính
5 Port Arlington Road, Geelong, bang Victoria, AUSTRALIA	PO Bag 24, Geelong VIC 3220, AUSTRALIA

4. Nguồn kinh phí của hoạt động được khai báo, bao gồm việc xác định hoạt động đó có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không.

AAHL được Chính phủ Australia tài trợ thông qua CSIRO và Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Lâm nghiệp. Ngoài ra, cơ sở này còn nhận được kinh phí từ các tổ chức trong ngành và các doanh nghiệp thương mại.

5. Số lượng các đơn vị bảo vệ tối đa trong trung tâm nghiên cứu và/hoặc phòng thí nghiệm, kèm theo diện tích tương ứng của từng đơn vị (m²).

Cơ sở có bốn đơn vị bảo vệ tối đa (BSL/PC4), bao gồm:

- Một phòng thí nghiệm diện tích 90 m²;
- Hai khu vực thí nghiệm trên động vật với tổng diện tích 127 m²;
- Một khu phức hợp gồm phòng thí nghiệm, khu thí nghiệm trên động vật và khu nuôi côn trùng với diện tích 350 m².

6. Phạm vi và mô tả khái quát về các hoạt động, bao gồm loại vi sinh vật và/hoặc độc tố (nếu phù hợp)

AAHL giữ vai trò quan trọng trong việc duy trì năng lực của Australia trong chẩn đoán nhanh các bệnh động vật ngoại lai (từ nước ngoài xâm nhập) và các bệnh truyền nhiễm mới nổi. Mục tiêu này được thực hiện thông qua các chương trình nghiên cứu liên tục nhằm phát triển các phương pháp chẩn đoán có độ nhạy, độ chính xác và tính kịp thời cao, là yếu tố quyết định đối với thành công của các chiến dịch thanh toán dịch bệnh khi xảy ra bùng phát.

AAHL cũng tiến hành nghiên cứu về các bệnh ngoại lai, bệnh mới nổi và bệnh tái nổi nhằm hiểu rõ hơn cơ chế gây bệnh và các yếu tố thúc đẩy sự xuất hiện của các bệnh mới; đồng thời phát triển các phương pháp chẩn đoán, vắc-xin và biện pháp điều trị mới đối với các bệnh động vật lưu hành có ý nghĩa quan trọng ở cấp quốc gia. Các bệnh chính trên vật nuôi, động vật nuôi trồng thủy sản và động vật hoang dã đều được nghiên cứu tại đây. AAHL có cơ sở an toàn sinh học mức độ cao nhằm bảo đảm thực hiện an toàn nhiệm vụ trọng tâm là chẩn đoán các đợt bùng phát bệnh động vật khẩn cấp.

Phòng thí nghiệm này là phòng thí nghiệm tham chiếu của Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH, trước đây là OIE) đối với bệnh cúm gia cầm, bệnh Newcastle, bệnh lưỡi xanh và vi-rút gây bệnh hoại tử tạo máu dịch tể (EHNV). AAHL đồng thời là Trung tâm Hợp tác của WOAH về các bệnh mới nổi và tái nổi, Trung tâm Hợp tác của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) về Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS), và là phòng thí nghiệm tham chiếu quốc gia về bệnh dại và vi khuẩn *Brucella* sp.

Là một phòng thí nghiệm có mức độ an toàn vi sinh học cao, AAHL làm việc với một số tác nhân sinh học nhạy cảm về an ninh (SSBAs). Vì vậy, cơ sở này đã được đăng ký là cơ sở SSBA và tuân thủ các yêu cầu về an ninh theo Đạo luật An ninh Y tế Quốc gia của Australia năm 2007 (thông tin chi tiết được trình bày tại Biểu mẫu E).

Phụ lục 1.3

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

1. Tên cơ sở

Phòng thí nghiệm Kiểm dịch An ninh Cao Quốc gia (NHSQL).

2. Cơ quan, tổ chức công hoặc tư chịu trách nhiệm

Bộ Y tế và Chăm sóc Người cao tuổi Australia, Chính phủ Liên bang và Sở Dịch vụ Nhân sinh bang Victoria, Chính quyền bang.

3. Địa điểm và địa chỉ bưu chính

Địa điểm	Địa chỉ bưu chính
Phòng thí nghiệm Tham chiếu Bệnh truyền nhiễm bang Victoria (Victorian Infectious Diseases Reference Laboratory – VIDRL), 10 Wreckyn Street, North Melbourne, bang Victoria, AUSTRALIA	National High Security Quarantine Laboratory, c/o VIDRL, Locked Bag 815, Carlton South VIC 3053, AUSTRALIA

4. Nguồn kinh phí của hoạt động được khai báo, bao gồm việc xác định hoạt động đó có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không.

Cơ sở này không nhận kinh phí từ Bộ Quốc phòng Australia. Nguồn kinh phí hoạt động được cấp từ Bộ Y tế của Chính phủ Liên bang và Bộ Y tế của chính quyền bang.

5. Số lượng các đơn vị bảo vệ tối đa trong trung tâm nghiên cứu và/hoặc phòng thí nghiệm, kèm theo diện tích tương ứng của từng đơn vị (m²)

Một phòng thí nghiệm an ninh sinh học mức độ cao, gồm hai buồng cách ly di động, với tổng diện tích 90 m².

6. Phạm vi và mô tả khái quát về các hoạt động, bao gồm loại vi sinh vật và/hoặc độc tố (nếu phù hợp)

Cơ sở này thực hiện chẩn đoán các trường hợp nghi ngờ mắc bệnh sốt xuất huyết do vi-rút nhập khẩu hoặc các bệnh do vi-rút thuộc diện kiểm dịch khác có nguy cơ đáng kể đối với cộng đồng Australia. Đồng thời, cơ sở phát triển các xét nghiệm và quy trình chẩn đoán đối với các bệnh đường hô hấp do vi-rút ngoại lai, bao gồm vi-rút cúm A/H5N1 (cúm gia cầm) và Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS). Ngoài ra, VIDRL đã xây dựng và duy trì năng lực thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán đối với vi-rút đậu mùa (Variola virus). Thông tin bổ sung được trình bày tại phần Thông tin chung.

Phụ lục 1.4

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

1. Tên cơ sở

Cơ quan Dịch vụ Khoa học Pháp y Y tế bang Queensland (QHFSS).

2. Cơ quan, tổ chức công hoặc tư chịu trách nhiệm

Sở Y tế bang Queensland, Chính quyền bang.

3. Địa điểm và địa chỉ bưu chính

Địa điểm	Địa chỉ bưu chính
39 Kessels Road, Coopers Plains, bang Queensland (QLD), AUSTRALIA	PO Box 594, Archerfield QLD 4108, AUSTRALIA

4. Nguồn kinh phí của hoạt động được khai báo, bao gồm việc xác định hoạt động đó có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không

Cơ sở này không nhận kinh phí từ Bộ Quốc phòng Australia. Nguồn kinh phí hoạt động được cấp từ Sở Y tế bang Queensland.

5. Số lượng các đơn vị bảo vệ tối đa trong trung tâm nghiên cứu và/hoặc phòng thí nghiệm, kèm theo diện tích tương ứng của từng đơn vị (m²)

Có hai đơn vị bảo vệ tối đa với tổng diện tích 150 m².

6. Phạm vi và mô tả khái quát về các hoạt động, bao gồm loại vi sinh vật và/hoặc độc tố (nếu phù hợp)

Cơ sở bảo vệ tối đa của QHFSS, một phòng thí nghiệm vi-rút học y tế công cộng thuộc chính quyền bang, thực hiện cả chức năng chẩn đoán và nghiên cứu. Các cơ sở bảo vệ tối đa được sử dụng để phát triển và thực hiện các xét nghiệm chẩn đoán đối với các bệnh nhân nghi mắc các bệnh do vi-rút ngoại lai hoặc vi-

rút lưu hành trong nước, bao gồm các vi-rút thuộc nhóm Henipavirus hoặc các vi-rút gây sốt xuất huyết ngoại lai.

Hiện nay, các tác nhân gây bệnh cấp độ PC4 duy nhất được lưu giữ tại phòng thí nghiệm là vi-rút Hendra và vi-rút gây Hội chứng hô hấp cấp tính nặng (SARS coronavirus) (được quản lý theo tiêu chuẩn AQIS QC4), phục vụ cho mục đích chẩn đoán. Phòng thí nghiệm dự kiến bổ sung các thuốc thử phục vụ chẩn đoán nhiều bệnh do vi-rút ngoại lai như Ebola, Marburg, Lassa, Junin, sốt Thung lũng Rift (Rift Valley fever), Hantavirus và các bệnh khác. Các thuốc thử này bao gồm thuốc thử chẩn đoán đã được bất hoạt, các tiểu đơn vị vi-rút được nhân dòng hoặc vi-rút sống.

Trong năm 2011, các tủ an toàn sinh học cấp III đã được thay thế và cơ sở được cải tạo, nâng cấp một phần. Đồng thời, phòng thí nghiệm đã tiến hành nghiên cứu phát triển các protein tái tổ hợp của vi-rút Hendra và Nipah nhằm phục vụ phát triển các xét nghiệm chẩn đoán. Cơ sở đã được đánh giá và tái chứng nhận đạt tiêu chuẩn AQIS QC4 và OGTR PC4. Trong năm 2011, vi-rút Hendra chỉ được chẩn đoán trên ngựa và các phân tích giải trình tự gen đã được thực hiện.

Phụ lục 1.5

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm

1. Tên cơ sở

Đơn vị Ứng phó Bệnh truyền nhiễm Mới nổi và Nguy cơ Sinh học (Emerging Infections and Biohazard Response Unit – EIBRU).

2. Cơ quan, tổ chức công hoặc tư chịu trách nhiệm

Viện Giải phẫu bệnh Lâm sàng và Nghiên cứu Y học (ICPMR), thuộc Cơ quan Y tế Khu vực Tây Sydney.

3. Địa điểm và địa chỉ bưu chính

Trung tâm Dịch vụ Phòng thí nghiệm Bệnh truyền nhiễm và Vi sinh (CIDMLS)

Viện Giải phẫu bệnh Lâm sàng và Nghiên cứu Y học (ICPMR)

Institute Road

Westmead, New South Wales (NSW) 2145

Australia

4. Nguồn kinh phí của hoạt động được khai báo, bao gồm việc xác định hoạt động đó có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không

Cơ sở này không nhận kinh phí từ Bộ Quốc phòng Australia. Nguồn kinh phí hoạt động được cấp bởi Sở Y tế bang New South Wales.

5. Số lượng các đơn vị bảo vệ tối đa trong trung tâm nghiên cứu và/hoặc phòng thí nghiệm, kèm theo diện tích tương ứng của từng đơn vị (m²)

Một đơn vị bảo vệ tối đa cấp PC4, với diện tích khu vực phòng thí nghiệm là 85,5 m².

6. Phạm vi và mô tả khái quát về các hoạt động, bao gồm loại vi sinh vật và/hoặc độc tố (nếu phù hợp)

Cơ sở này thực hiện xét nghiệm các mẫu bệnh phẩm hoặc các mẫu vật từ người bị nghi ngờ chứa các tác nhân gây bệnh ngoại lai, tác nhân gây bệnh truyền nhiễm mới nổi hoặc các tác nhân khủng bố sinh học, như vi-rút cúm đại dịch, vi khuẩn gây bệnh than và độc tố ricin, phục vụ công tác chẩn đoán và ứng phó y tế cho bang New South Wales.

Biểu mẫu A, Phần 1 (ii)

[Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do New Zealand nộp]

Biểu mẫu A, Phần 1 (ii)

Nếu không có cơ sở BSL-4 nào được khai báo tại Biểu mẫu A, Phần 1 (i), hãy cho biết cấp độ an toàn sinh học cao nhất được áp dụng tại các cơ sở xử lý tác nhân sinh học⁶ trên lãnh thổ của Quốc gia thành viên:

Cấp độ an toàn sinh học	Khai báo
Cấp độ an toàn sinh học 3 (BSL-3) ⁷	Có
Cấp độ an toàn sinh học 2 (BSL-2) ⁸ (nếu áp dụng)	Không áp dụng (n/a)

Thông tin bổ sung liên quan (nếu phù hợp):

Bộ Nông nghiệp và Thủy sản New Zealand vận hành một phòng thí nghiệm bảo vệ cấp BSL-3+ là Trung tâm Quốc gia về An ninh sinh học và Bệnh truyền nhiễm, đặt tại Upper Hutt (gần Wellington). Cơ sở này cũng được Viện Khoa học và Nghiên cứu Môi trường (ESR) sử dụng theo hợp đồng với Bộ Y tế.

Phòng thí nghiệm được sử dụng cho các hoạt động chẩn đoán và nghiên cứu ứng dụng, bao gồm xác nhận giá trị của các phương pháp xét nghiệm, phát triển phương pháp xét nghiệm và thực hiện các chương trình khảo sát. Các mục tiêu chính của cơ sở này là giúp New Zealand:

- Có đủ năng lực để chứng minh tình trạng sức khỏe động vật và sức khỏe con người của quốc gia;
- Có đủ năng lực để xác định và chứng minh sự hiện diện của các chủng vi sinh vật nhất định không lưu hành tại New Zealand.

New Zealand không có chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học.

Biểu mẫu A (Phần 2)

Phần 2: Trao đổi thông tin về các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học

Tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba, các quốc gia thành viên đã thống nhất thực hiện nội dung sau:

Nhằm tăng cường tính minh bạch của các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học, các quốc gia thành viên sẽ khai báo việc có hay không tiến hành các chương trình này. Hằng năm, các quốc gia thành viên thống nhất cung cấp thông tin chi tiết về các chương trình nghiên cứu và phát triển phòng thủ sinh học của mình, bao gồm tóm tắt mục tiêu, kinh phí và các hoạt động do các nhà thầu hoặc các cơ sở khác thực hiện. Trường hợp không triển khai chương trình nghiên cứu và phát triển về phòng thủ sinh học thì phải nộp báo cáo không có nội dung khai báo.

Các quốc gia thành viên sẽ thực hiện khai báo theo các biểu mẫu kèm theo, trong đó yêu cầu cung cấp các thông tin sau:

Mục tiêu và tóm tắt các hoạt động nghiên cứu, phát triển đang được triển khai, nêu rõ chương trình có thực hiện các lĩnh vực sau hay không: dự phòng, nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực, kỹ thuật chẩn đoán, khí sinh học, phát hiện, điều trị, độc tố học, bảo vệ vật lý, khử nhiễm và các nghiên cứu liên quan khác.

Việc có sử dụng các nhà thầu hoặc các cơ sở ngoài lĩnh vực quốc phòng hay không và tổng mức kinh phí được cấp cho phần chương trình do các đơn vị đó thực hiện.

Cơ cấu tổ chức của chương trình và mối quan hệ trong hệ thống báo cáo.

Các thông tin sau đây về các cơ sở quốc phòng và các cơ sở khác của Chính phủ là nơi tập trung thực hiện chương trình nghiên cứu và phát triển phòng thủ sinh học:

a) Địa điểm.

b) Diện tích sàn (m^2) của các cơ sở, bao gồm diện tích dành cho các phòng thí nghiệm cấp độ BL2, BL3 và BL4.

c) Tổng số nhân sự làm việc, bao gồm cả những người được ký hợp đồng làm việc toàn thời gian trên sáu tháng.

d) Số lượng nhân sự nêu tại mục (c), được phân theo các nhóm: dân sự, quân sự, nhà khoa học, kỹ thuật viên, kỹ sư, nhân viên hỗ trợ và nhân viên hành chính.

e) Danh mục chuyên ngành khoa học của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật.

f) Nguồn kinh phí và mức kinh phí cho ba lĩnh vực: nghiên cứu, phát triển và thử nghiệm, đánh giá.

g) Chính sách công bố kết quả nghiên cứu và danh mục các bài báo, báo cáo đã được công bố công khai.

Hướng dẫn điền Biểu mẫu A, Phần 2

Trong hầu hết các trường hợp, Bộ Quốc phòng sẽ là cơ quan chịu trách nhiệm đối với các chương trình hoặc hoạt động phòng thủ sinh học, nếu các chương trình hoặc hoạt động này tồn tại. Tuy nhiên, các bộ hoặc cơ quan khác cũng có thể chịu trách nhiệm về phòng thủ dân sự, chống khủng bố hoặc an ninh nội địa có liên quan đến các chương trình hoặc hoạt động nghiên cứu và phát triển sinh học. Do đó, cần làm việc với các cơ quan này để xác định liệu họ có tài trợ hoặc trực tiếp quản lý các hoạt động hay cơ sở như vậy hay không.

Biểu mẫu yêu cầu cung cấp thông tin chi tiết cả về chương trình và từng cơ sở thực hiện, vì vậy các bộ, ngành có thể cần nhiều thời gian để chuẩn bị thông tin. Họ cũng có thể phải thu thập bổ sung dữ liệu từ từng cơ sở. Do đó, nên chỉ định một đầu mối tại mỗi cơ sở để tổng hợp thông tin cần thiết và gửi về đầu mối chính tại Bộ Quốc phòng hoặc bộ, ngành có liên quan. Việc tổng hợp dữ liệu có thể đòi hỏi phải liên hệ với nhiều bộ phận khác nhau của cơ sở, như bộ phận quản lý tòa nhà, nhân sự, tài chính, kỹ thuật và quản lý chương trình. Đầu mối được chỉ định cần có hiểu biết đầy đủ về hoạt động của cơ sở và biết rõ đơn vị hoặc cá nhân nào có thể cung cấp từng loại thông tin yêu cầu trong biểu mẫu CBM.

Biểu mẫu CBM

Biểu mẫu A, Phần 2 (i)

Chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học Khai báo

Quốc gia thành viên có triển khai bất kỳ chương trình quốc gia nào về nghiên cứu và phát triển phòng thủ sinh học trong phạm vi lãnh thổ hoặc tại các khu vực thuộc quyền tài phán hoặc kiểm soát của mình hay không?

Các hoạt động của chương trình có thể bao gồm: dự phòng, nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực, kỹ thuật chẩn đoán, khí sinh học, phát hiện, điều trị, độc tố học, bảo vệ vật lý, khử nhiễm và các nghiên cứu liên quan khác.

Có / Không

Nếu trả lời "Có", đề nghị điền Biểu mẫu A, Phần 2 (ii) để mô tả từng chương trình.

Biểu mẫu A, Phần 2 (ii)

Chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học Mô tả

Nêu mục tiêu và kinh phí của từng chương trình, đồng thời tóm tắt các hoạt động nghiên cứu và phát triển chủ yếu được thực hiện trong chương trình. Nội dung cần bao gồm các lĩnh vực như: dự phòng, nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực, kỹ thuật chẩn đoán, khí sinh học, phát hiện, điều trị, độc tố học, bảo vệ vật lý, khử nhiễm và các nghiên cứu liên quan khác.

Nêu tổng kinh phí của từng chương trình và nguồn kinh phí.

Có phần nào của chương trình được thực hiện theo hợp đồng với doanh nghiệp, cơ sở học thuật hoặc các cơ sở ngoài lĩnh vực quốc phòng hay không?

Có / Không

Nếu có, tỷ lệ kinh phí của từng chương trình được chi cho các đơn vị hoặc cơ sở đó là bao nhiêu?

Tóm tắt mục tiêu và các lĩnh vực nghiên cứu của từng chương trình do các nhà thầu hoặc các cơ sở khác thực hiện bằng nguồn kinh phí nêu tại mục 4.

Cung cấp sơ đồ cơ cấu tổ chức của từng chương trình và mối quan hệ trong hệ thống báo cáo (bao gồm các cơ sở tham gia thực hiện chương trình).

Đối với mỗi cơ sở, kể cả cơ sở của Chính phủ và ngoài Chính phủ, có phần lớn nguồn lực được dành cho chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học trong lãnh thổ hoặc thuộc quyền tài phán hay kiểm soát của quốc gia khai báo, đề nghị khai báo theo Biểu mẫu A, Phần 2 (iii).

Biểu mẫu A, Phần 2 (iii)**Chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học**
Các cơ sở

Hoàn thành một biểu mẫu riêng cho từng cơ sở được khai báo theo mục 7 của Biểu mẫu A, Phần 2 (ii).

Đối với các cơ sở sử dụng chung, chỉ cung cấp thông tin liên quan đến phần phục vụ chương trình nghiên cứu và phát triển phòng thủ sinh học.

Tên cơ sở.

Địa điểm (bao gồm địa chỉ và vị trí địa lý).

Diện tích sàn của các khu vực phòng thí nghiệm theo từng cấp độ an toàn sinh học:

BL2: _____ (m²)

BL3: _____ (m²)

BL4: _____ (m²)

Tổng diện tích sàn phòng thí nghiệm: _____ (m²)

Cơ cấu tổ chức của cơ sở.

(i) Tổng số nhân sự: _____

(ii) Phân loại nhân sự: _____

Quân sự: _____

Dân sự: _____

(iii) Phân loại nhân sự theo chức danh:

Nhà khoa học: _____

Kỹ sư: _____

Kỹ thuật viên: _____

Nhân viên hành chính và hỗ trợ: _____

(iv) Liệt kê các chuyên ngành khoa học của đội ngũ cán bộ khoa học và kỹ thuật.

(v) Có sử dụng nhân sự theo hợp đồng tại cơ sở hay không? Nếu có, nêu số lượng ước tính.

(vi) Nguồn kinh phí cho các hoạt động của cơ sở là gì? Đồng thời cho biết hoạt động có được Bộ Quốc phòng tài trợ toàn bộ hoặc một phần hay không.

(vii) Mức kinh phí dành cho các lĩnh vực sau:

Nghiên cứu: _____

Phát triển: _____

Thử nghiệm và đánh giá: _____

(viii) Mô tả ngắn gọn chính sách công bố kết quả nghiên cứu của cơ sở.

(ix) Cung cấp danh mục các bài báo và báo cáo đã được công bố công khai trong 12 tháng trước đó (bao gồm tên tác giả, tên bài báo và trích dẫn đầy đủ).

Mô tả ngắn gọn các hoạt động phòng thủ sinh học được thực hiện tại cơ sở, bao gồm các loại vi sinh vật⁹ và/hoặc độc tố được nghiên cứu, cũng như các nghiên cứu ngoài thực địa về sol khí sinh học.

⁹ Bao gồm vi-rút và prion.

Ví dụ về Biểu mẫu A, Phần 2 đã được hoàn thành

(Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do Đức nộp)

Biểu mẫu A, Phần 2 (i)

Chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học

Khai báo

Có triển khai chương trình quốc gia về nghiên cứu và phát triển phòng thủ sinh học.

Nếu trả lời "Có", tiếp tục điền Biểu mẫu A, Phần 2 (ii).

Biểu mẫu A, Phần 2 (ii)

Mô tả

1. Nêu mục tiêu, kinh phí và tóm tắt các hoạt động nghiên cứu, phát triển của từng chương trình.

- Bộ Quốc phòng Liên bang:

Các hoạt động nghiên cứu và phát triển của chương trình quốc gia bao gồm: dự phòng, kỹ thuật chẩn đoán, kỹ thuật lấy mẫu và phát hiện, độc tố học, khử nhiễm và bảo vệ vật lý. Tóm tắt và mục tiêu của toàn bộ các dự án nghiên cứu và phát triển trong lĩnh vực phòng thủ y học trước các mối đe dọa hạt nhân, sinh học và hóa học được công bố trên Internet tại:

<http://www.sanitaetsdienst-bundeswehr.de>.

- Bộ Nội vụ Liên bang:

Trong năm 2011, Văn phòng Liên bang về Bảo vệ Dân sự và Hỗ trợ Thảm họa đã hỗ trợ và tài trợ hai hội thảo:

Hội thảo tiếp nối chương trình đánh giá các xét nghiệm PCR thời gian thực thông qua thử nghiệm liên phòng (FV 359 BWÜ 2010), được tổ chức tại Viện Robert Koch. Mục tiêu là nâng cao năng lực và kỹ năng phát hiện, chẩn đoán của các phòng thí nghiệm liên quan trong trường hợp xảy ra mối đe dọa sinh học.

Mục tiêu tổng thể của các dự án nghiên cứu về bảo vệ dân sự do Văn phòng Liên bang về Bảo vệ Dân sự và Hỗ trợ Thảm họa tài trợ là nâng cao năng lực sẵn sàng và ứng phó trước các mối đe dọa sinh học, qua đó tăng cường bảo vệ lực lượng ứng phó đầu tiên và cộng đồng dân cư.

- Bộ Y tế Liên bang:

Các hoạt động nghiên cứu và phát triển về phòng thủ sinh học của Bộ Y tế Liên bang được thực hiện độc quyền tại Trung tâm An ninh Sinh học (ZBS) thuộc Viện Robert Koch (RKI). RKI là cơ quan liên bang trực thuộc Bộ Y tế Liên bang, chịu trách nhiệm kiểm soát và phòng ngừa dịch bệnh tại Đức. ZBS góp phần tăng cường năng lực sẵn sàng và ứng phó của y tế công cộng trước các sự cố y tế nghiêm trọng như các đợt bùng phát dịch bất thường, các ca bệnh truyền nhiễm

hiếm gặp từ nước ngoài hoặc việc vô tình hay cố ý phát tán các tác nhân sinh học. Các hoạt động nghiên cứu và phát triển của trung tâm bao gồm nghiên cứu về khả năng gây bệnh của tác nhân truyền nhiễm, kỹ thuật chẩn đoán và phát hiện, độc tố học, cũng như nghiên cứu các biện pháp điều trị và khử nhiễm.

2. Nêu tổng kinh phí của từng chương trình và nguồn kinh phí.

- Bộ Quốc phòng Liên bang:

Tổng kinh phí năm 2011 khoảng 9,13 triệu euro, trong đó khoảng 7,95 triệu euro được phân bổ cho các cơ sở thuộc Quân đội Liên bang Đức.

- Bộ Nội vụ Liên bang:

Kinh phí năm 2011 khoảng 5.179 euro. Chương trình được tài trợ bởi Văn phòng Liên bang về Bảo vệ Dân sự và Hỗ trợ Thảm họa.

- Bộ Y tế Liên bang:

Tổng kinh phí dành cho nhân sự, vật tư tiêu hao và trang thiết bị của Trung tâm An ninh Sinh học (ZBS) trong năm 2011 là khoảng 5,9 triệu euro.

3. Có phần nào của các chương trình này được thực hiện theo hợp đồng với doanh nghiệp, cơ sở học thuật hoặc các cơ sở ngoài lĩnh vực quốc phòng hay không?

- Bộ Quốc phòng Liên bang và Bộ Nội vụ Liên bang: Có.

- Bộ Y tế Liên bang:

Dưới 1% ngân sách dành cho các hoạt động nghiên cứu và phát triển phòng thủ sinh học được chi cho các cơ sở thực hiện theo hợp đồng. Các đơn vị nhận hợp đồng chỉ thực hiện các nội dung hỗ trợ của chương trình.

4. Nếu có, tỷ lệ kinh phí của từng chương trình được chi cho các đơn vị hoặc cơ sở theo hợp đồng đó là bao nhiêu?

Bộ Quốc phòng Liên bang: khoảng 13%.

Bộ Nội vụ Liên bang: 100%.

Bộ Y tế Liên bang: Không áp dụng.

5. Tóm tắt mục tiêu và các lĩnh vực nghiên cứu của từng chương trình được thực hiện bởi các nhà thầu và các cơ sở khác bằng nguồn kinh phí nêu tại mục 4.

Bộ Quốc phòng Liên bang:

Mục tiêu của các hoạt động thực hiện theo hợp đồng là cung cấp chuyên môn và trang thiết bị cần thiết cho Bộ Quốc phòng Liên bang nhằm nâng cao năng lực phòng thủ sinh học. Các lĩnh vực nghiên cứu tương tự như đã nêu tại mục 1.

Bộ Nội vụ Liên bang:

Mục tiêu của các hoạt động thực hiện theo hợp đồng là nâng cao năng lực sẵn sàng và ứng phó trước các mối đe dọa sinh học, qua đó tăng cường bảo vệ lực lượng ứng phó đầu tiên và cộng đồng dân cư. Mục tiêu nghiên cứu của các dự án đã được mô tả tại mục 1.

Bộ Y tế Liên bang:

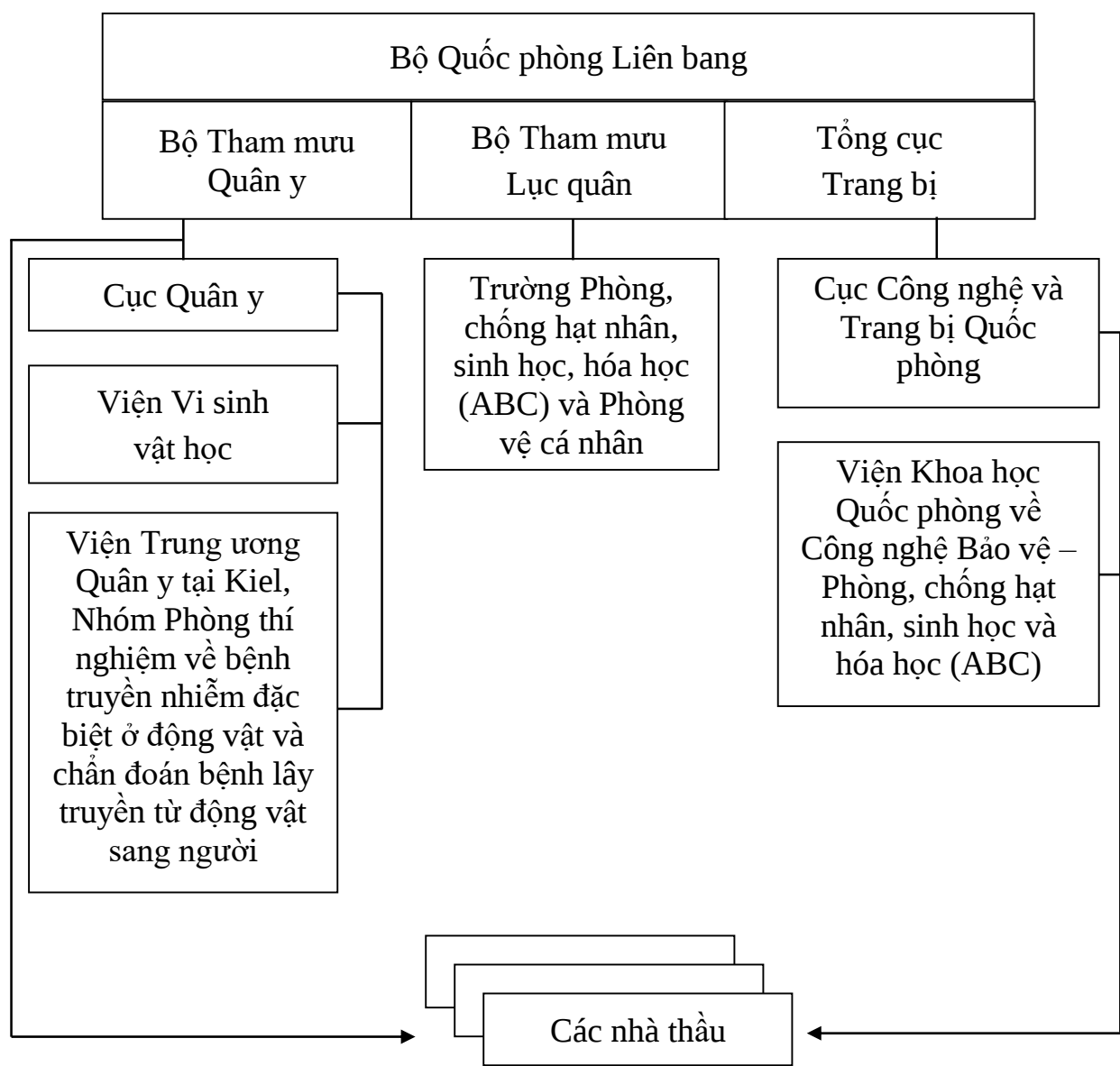
Không áp dụng.

6. Cung cấp sơ đồ cơ cấu tổ chức của từng chương trình và mối quan hệ trong hệ thống báo cáo (bao gồm các cơ sở tham gia thực hiện chương trình).

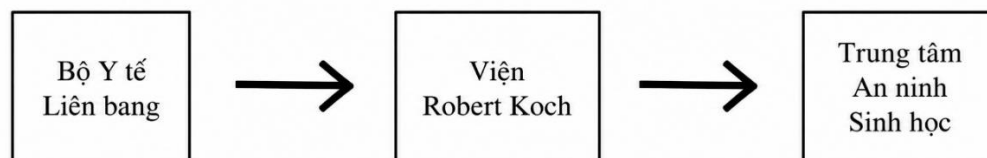
Bộ Nội vụ Liên bang:

Văn phòng Liên bang về Bảo vệ Dân sự và Hỗ trợ Thảm họa ủy quyền cho các cơ sở như Viện Robert Koch, căn cứ theo chuyên môn của các cơ sở này, để thực hiện các dự án nghiên cứu phục vụ bảo vệ dân sự.

Bộ Quốc phòng Liên bang:



Bộ Y tế Liên bang:



7. Cung cấp bản khai theo Biểu mẫu A, Phần 2 (iii) đối với từng cơ sở, bao gồm cả cơ sở của Chính phủ và ngoài Chính phủ, có phần lớn nguồn lực được dành cho chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học, nằm trên lãnh thổ của quốc gia khai báo hoặc thuộc quyền tài phán hay kiểm soát của quốc gia đó ở bất kỳ nơi nào.

Bộ Nội vụ Liên bang: Không áp dụng.

Bộ Quốc phòng Liên bang: Kèm theo 04 Biểu mẫu A, Phần 2 (iii).

Bộ Y tế Liên bang: Kèm theo Biểu mẫu A, Phần 2 (iii) đối với Trung tâm An ninh Sinh học thuộc Viện Robert Koch.

Biểu mẫu A, Phần 2 (iii)

Chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học Cơ sở

1. Tên cơ sở

Viện Vi sinh học Quân đội Liên bang.

2. Địa điểm

Neuherbergstraße 11, D-80937 München, Đức.

Tọa độ: 48°12' Bắc, 11°34' Đông.

3. Diện tích sàn của các khu vực phòng thí nghiệm theo từng cấp độ an toàn sinh học

BL2: 1.258 m²

BL3: 67 m²

BL4: Không có

Tổng diện tích sàn phòng thí nghiệm: 1.325 m²

4. Cơ cấu tổ chức của cơ sở

(i) Tổng số nhân sự: 65 người.

(ii) Cơ cấu nhân sự:

- Quân nhân: 41 người.
- Dân sự: 24 người.

(iii) Cơ cấu nhân sự theo nhóm chức danh:

- Nhà khoa học: 21 người.
- Kỹ thuật viên: 38 người.
- Nhân viên hành chính và hỗ trợ: 6 người.

(iv) Các chuyên ngành khoa học:

Y học, thú y, vi sinh học, virus học, vi khuẩn học, miễn dịch học, sinh học phân tử, dịch tễ học và y học xét nghiệm.

(v) Nhân sự theo hợp đồng: 04 người.

(vi) Nguồn kinh phí:

Bộ Quốc phòng Liên bang.

(vii) Mức phân bổ kinh phí cho các lĩnh vực của chương trình:

Tổng kinh phí dành cho nhân sự, vật tư tiêu hao và trang thiết bị trong năm 2011 khoảng 5 triệu euro.

- Nghiên cứu: 40%.
- Phát triển: 25%.
- Thử nghiệm và đánh giá: 25%.
- Giáo dục và đào tạo: 10%.

(viii) Chính sách công bố:

Kết quả nghiên cứu được công bố trên các tạp chí khoa học, đồng thời được báo cáo tới Bộ Quốc phòng Liên bang và trình bày tại các hội nghị khoa học trong nước và quốc tế.

(ix) Cung cấp danh mục các bài báo và báo cáo đã được công bố công khai trong 12 tháng trước đó (bao gồm tên tác giả, tên bài báo và trích dẫn đầy đủ).

Al-Dahouk S., Hofer E., Tomaso H., Vergnaud G., Le Flèche P., Cloeckaert A., Koylass M.S., Whatmore A.M., Nöckler K., Scholz H.C. *Intra-species biodiversity of the genetically homologous species Brucella microti*. Applied and Environmental Microbiology. 2011; xuất bản trực tuyến trước khi in.

Antwerpen M., Ilin D., Georgieva E., Meyer H. và Frangoulidis D. *MLVA and SNP analysis identified a unique genetic cluster in Bulgarian Bacillus anthracis strains*. European Journal of Clinical Microbiology. DOI: 10.1007/s10096-011-1172-2. 2011; 30(7): 923–930.

...

...

Weidmann M., Ruzek D., Krivanec K., Zöller G., Essbauer S., Pfeffer M., Zanotto P.M., Hufert F. và Dobler G. *Relation of genetic phylogeny and geographical distance of tick-borne encephalitis virus in Central Europe*. Journal of General Virology. 2011; 92(8): 1906–1916.

Wernery U., Wernery R., Joseph M., Al-Salloom F., Johnson B., Kinne J., Jose S., Jose S., Tappendorf B., Hornstra H. và Scholz H.C. *Natural Burkholderia mallei infection in Dromedary, Bahrain*. Emerging Infectious Diseases. 2011; 17(7): 1277–1279.

5. Mô tả ngắn gọn các hoạt động phòng thủ sinh học được thực hiện tại cơ sở, bao gồm loại vi sinh vật⁹ và/hoặc độc tố được nghiên cứu, cũng như các nghiên cứu ngoài thực địa về sol khí sinh học.

a. Nghiên cứu, phát triển và đánh giá các phương pháp phát hiện nhanh, định danh, phân biệt và định тип các vi-rút Orthopox, Alpha, Flavi, Bunya và Filo, cũng như các vi khuẩn thuộc chi *Coxiella*, *Burkholderia*, *Yersinia*, *Brucella*, *Bacillus* và *Francisella*, bằng cách sử dụng kháng thể đa dòng, kháng thể đơn dòng, các phương pháp sinh hóa và kỹ thuật PCR thời gian thực.

b. Xây dựng cơ sở dữ liệu trình tự gen và các công cụ phục vụ định тип pháp y sinh học.

c. Đánh giá và sản xuất các bộ xét nghiệm phục vụ chẩn đoán miễn dịch đối với các bệnh truyền nhiễm có liên quan.

d. Nghiên cứu về dịch tễ học, cơ chế sinh bệnh miễn dịch và đáp ứng miễn dịch đối với *Francisella tularensis*, các loài thuộc chi *Bacillus*, *Burkholderia*, *Brucella* và *Yersinia*.

Chương trình hiện tại bao gồm các tác nhân gây bệnh thuộc nhóm R I, R II và R III.

Chưa có nghiên cứu ngoài thực địa về khí dung sinh học được tiến hành.

Biểu mẫu B

BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “B”

Trao đổi thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự do độc tố gây ra

Tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba, các quốc gia thành viên đã thống nhất tiếp tục thực hiện nội dung sau:

Trao đổi thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự do độc tố gây ra, cũng như về tất cả các sự kiện có dấu hiệu khác với quy luật thông thường về loại bệnh, diễn biến, địa điểm hoặc thời điểm xảy ra. Đối với các sự kiện có dấu hiệu khác với quy luật thông thường, thông tin được cung cấp phải bao gồm, ngay khi có thể, dữ liệu về loại bệnh, phạm vi khu vực bị ảnh hưởng (ước tính) và số lượng ca mắc.

Hội nghị rà soát lần thứ Bảy đã thống nhất nội dung sau:

Hiện chưa có tiêu chuẩn chung mang tính toàn cầu để xác định thế nào là một sự kiện “khác với quy luật thông thường”.

Thế thức thực hiện

Hội nghị rà soát lần thứ Ba đã thống nhất các nội dung sau đây, sau đó được Hội nghị rà soát lần thứ Bảy sửa đổi:

1. Việc trao đổi thông tin về các đợt bùng phát có dấu hiệu khác với quy luật thông thường được coi là đặc biệt quan trọng trong các trường hợp sau:

- Khi không thể nhanh chóng xác định được nguyên nhân của đợt bùng phát hoặc khó chẩn đoán tác nhân gây bệnh¹⁰;
- Khi bệnh có thể do các vi sinh vật thuộc nhóm nguy cơ III hoặc IV gây ra theo phân loại trong phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO);
- Khi tác nhân gây bệnh là tác nhân ngoại lai đối với khu vực địa lý nơi xảy ra dịch;
- Khi bệnh có diễn biến bất thường;
- Khi bệnh xảy ra ở khu vực lân cận các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm thuộc diện phải khai báo theo Biểu mẫu A;
- Khi có nghi ngờ về khả năng xuất hiện một bệnh mới.

2. Để tăng cường lòng tin, báo cáo ban đầu về một đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm hoặc sự cố tương tự có dấu hiệu khác với quy luật thông thường cần được gửi kịp thời ngay sau khi phát hiện đợt bùng phát, sau đó được cập nhật

¹⁰ Được hiểu là có thể bao gồm cả các vi sinh vật được làm tăng khả năng gây bệnh bằng các kỹ thuật sinh học phân tử, chẳng hạn như kỹ thuật di truyền.

thông qua các báo cáo hằng năm. Nhằm giúp các quốc gia thành viên thực hiện theo một quy trình thống nhất, Hội nghị đã thống nhất sử dụng Biểu mẫu B để trao đổi thông tin hằng năm, trong phạm vi thông tin đã được biết và/hoặc có liên quan.

3. Việc khai báo các liên kết điện tử đến trang thông tin của quốc gia hoặc của các tổ chức quốc tế, khu vực hoặc tổ chức khác cung cấp thông tin về các đợt bùng phát dịch bệnh (đặc biệt là các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự do độc tố gây ra có dấu hiệu khác với quy luật thông thường) cũng có thể được coi là đáp ứng yêu cầu khai báo theo Biểu mẫu B.

4. Nhằm tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực các hoạt động vi khuẩn học (sinh học) vì mục đích hòa bình, đồng thời ngăn ngừa hoặc giảm thiểu các trường hợp mơ hồ, nghi ngờ và hoài nghi, các quốc gia thành viên được khuyến khích mời chuyên gia từ các quốc gia thành viên khác hỗ trợ xử lý các đợt bùng phát dịch bệnh và tích cực đáp ứng các lời mời đó, trên cơ sở tuân thủ pháp luật quốc gia hiện hành và các văn kiện quốc tế có liên quan.

Hướng dẫn điền Biểu mẫu B

Biện pháp này yêu cầu các quốc gia thành viên báo cáo thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự do độc tố gây ra “có dấu hiệu khác với quy luật thông thường”. Biểu mẫu cũng cung cấp hướng dẫn bổ sung nhằm giúp xác định liệu một đợt bùng phát có đáp ứng tiêu chí tương đối khái quát này hay không. Để tăng cường lòng tin, có thể gửi báo cáo ban đầu ngay sau khi xác định được tính chất đáng quan tâm của đợt bùng phát, sau đó tiếp tục cập nhật bằng báo cáo hằng năm.

Trong hầu hết các trường hợp, Bộ Y tế sẽ là cơ quan cung cấp thông tin về các bệnh ảnh hưởng đến con người, trong khi Bộ Nông nghiệp hoặc cơ quan tương đương sẽ có thông tin về các đợt bùng phát dịch bệnh trên động vật và thực vật. Đối với bệnh ở người, Bộ Y tế có thể đã gửi một hoặc nhiều báo cáo tới Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), và việc này sẽ ngày càng phổ biến kể từ khi Điều lệ Y tế Quốc tế sửa đổi (IHR 2005) có hiệu lực.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng không nên chỉ coi các đợt bùng phát phải thông báo theo IHR là những trường hợp duy nhất có liên quan đến Biện pháp xây dựng lòng tin này. Có thể còn tồn tại các đợt bùng phát khác chỉ xảy ra trong phạm vi quốc gia nhưng vẫn đáp ứng các tiêu chí quy định trong phần Thẻ thức thực hiện của CBM.

Tương tự, Bộ Nông nghiệp có thể báo cáo các đợt bùng phát dịch bệnh trên động vật và thực vật lần lượt cho Tổ chức Thú y Thế giới (WOAH) hoặc Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO). Khi khai báo, có thể dẫn chiếu đến các báo cáo này, chẳng hạn bằng cách cung cấp liên kết đến các trang thông tin tương ứng trên trang web của WHO hoặc WOAH. Ngoài ra, cũng có thể cung cấp liên kết đến các báo cáo quốc gia liên quan đến đợt bùng phát, ví dụ như các

báo cáo do cơ quan quản lý hoặc cơ quan nhà nước xây dựng hoặc đặt hàng thực hiện.

Biểu mẫu CBM

Biểu mẫu B

Thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự có dấu hiệu khác với quy luật thông thường¹¹¹

1. Thời điểm phát hiện đợt bùng phát

2. Địa điểm và phạm vi khu vực bị ảnh hưởng (ước tính)

3. Loại bệnh hoặc tình trạng ngộ độc

4. Nguồn nghi ngờ gây bệnh hoặc gây ngộ độc

5. Tác nhân gây bệnh nghi ngờ

6. Đặc điểm chính của các hệ thống bị ảnh hưởng

7. Triệu chứng chi tiết (nếu có)

- Hô hấp
 - Tuần hoàn
 - Thần kinh/Hành vi
 - Tiêu hóa
 - Da liễu
 - Thận
 - Khác
-
-
-
-

¹¹ Xem khoản 2 của phần mở đầu Biện pháp xây dựng lòng tin B.

8. Những điểm khác với quy luật thông thường về:

- Loại bệnh
- Diễn biến
- Địa điểm xảy ra
- Thời điểm xảy ra
- Triệu chứng
- Đặc điểm độc lực
- Đặc điểm kháng thuốc
- Tác nhân khó chẩn đoán
- Sự xuất hiện của các vật trung gian truyền bệnh bất thường
- Khác

[illegible]

9. Số ca mắc ban đầu (ước tính)

10. Tổng số ca mắc (ước tính)

11. Số ca tử vong

12. Diễn biến của đợt bùng phát

13. Các biện pháp đã thực hiện

Ví dụ về Biểu mẫu B đã được hoàn thành

(Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do Vương quốc Anh nộp)

Biểu mẫu B

Thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm và các sự cố tương tự có dấu hiệu khác với quy luật thông thường

1. Thời điểm phát hiện đợt bùng phát

Tháng 8 năm 2007.

2. Địa điểm và phạm vi khu vực bị ảnh hưởng (ước tính)

Hạt Surrey, Anh.

3. Loại bệnh hoặc tình trạng ngộ độc

Bệnh lở mồm long móng.

4. Nguồn nghi ngờ gây bệnh hoặc gây ngộ độc

Sự cố phát tán tác nhân gây bệnh từ phòng thí nghiệm.

5. Tác nhân gây bệnh nghi ngờ

Vi-rút gây bệnh lở mồm long móng.

6. Đặc điểm chính của các hệ thống bị ảnh hưởng

7. Triệu chứng chi tiết (nếu có)

- Hô hấp:

- Tuần hoàn:

- Thần kinh/Hành vi:

- Tiêu hóa:

- Da liễu:

Xuất hiện các mụn nước ở bàn chân, niêm mạc miệng và, đối với con cái, ở tuyến vú.

- Thận:

- Khác:

8. Những điểm khác với quy luật thông thường về:

- Loại bệnh:

-
- Diễn biến:

-
- Địa điểm xảy ra:

Vi-rút gây bệnh lở mồm long móng (FMDV) là tác nhân ngoại lai đối với Vương quốc Anh.

- Thời điểm xảy ra:

-
- Triệu chứng:

-
- Đặc điểm độc lực:

-
- Đặc điểm kháng thuốc:

-
- Tác nhân khó chẩn đoán:

-
- Sự xuất hiện của các vật trung gian truyền bệnh bất thường:

-
- Khác:

9. Số ca mắc ban đầu (ước tính)

10. Tổng số ca mắc (ước tính)

238 động vật tại 8 cơ sở chăn nuôi.

11. Số ca tử vong

12. Diễn biến ổ dịch

Vào cuối tháng 7, tác nhân gây bệnh đã phát tán từ phòng thí nghiệm và sau đó lây lan trong khu vực lân cận. Đợt bùng phát đã được khống chế nhờ các biện pháp được nêu dưới đây và ca bệnh cuối cùng được ghi nhận vào ngày 29 tháng 8 năm 2007.

13. Các biện pháp đã thực hiện

Tiêu hủy đàn gia súc mắc bệnh, áp dụng biện pháp cách ly, kiểm soát việc vận chuyển trong phạm vi cả nước, thiết lập các vùng kiểm soát, khử trùng các cơ sở bị nhiễm; không áp dụng tiêm phòng và không điều trị đối với các động vật bị ảnh hưởng.

Thông tin chi tiết được đăng tải tại:

<http://www.defra.gov.uk/animalh/diseases/fmd/investigations/index.htm>

Biểu mẫu C

BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “C”

Khuyến khích công bố kết quả nghiên cứu và thúc đẩy việc sử dụng tri thức

Tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba, các quốc gia thành viên đã thống nhất tiếp tục thực hiện nội dung sau:

Khuyến khích công bố các kết quả nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước trên các tạp chí khoa học mà các quốc gia thành viên có thể tiếp cận, đồng thời thúc đẩy việc sử dụng, vì các mục đích được phép, những tri thức thu được từ các nghiên cứu này.

Thể thức thực hiện

Hội nghị rà soát lần thứ Ba đã thống nhất các nội dung sau:

1. Khuyến nghị rằng các nghiên cứu cơ bản trong lĩnh vực khoa học sinh học, đặc biệt là các nghiên cứu có liên quan trực tiếp đến Công ước, nhìn chung không nên được xếp loại mật. Đối với các nghiên cứu ứng dụng, trong phạm vi có thể và không làm ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia hoặc lợi ích thương mại, cũng nên không xếp loại mật.

2. Các quốc gia thành viên được khuyến khích cung cấp thông tin về chính sách của mình đối với việc công bố kết quả nghiên cứu sinh học, bao gồm, nhưng không giới hạn ở, chính sách về công bố kết quả nghiên cứu được thực hiện tại các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm thuộc diện trao đổi thông tin theo Biện pháp A, cũng như việc công bố các nghiên cứu liên quan đến các đợt bùng phát dịch bệnh thuộc phạm vi Biện pháp B. Đồng thời, các quốc gia thành viên được khuyến khích cung cấp thông tin về các tạp chí khoa học và các ấn phẩm khoa học liên quan khác mà các quốc gia thành viên có thể tiếp cận.

3. Hội nghị rà soát lần thứ Ba đã thảo luận về vấn đề hợp tác và hỗ trợ trong việc xử lý an toàn các vật liệu sinh học thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước. Hội nghị kết luận rằng đã có các diễn đàn quốc tế khác hoạt động trong lĩnh vực này và bày tỏ sự ủng hộ đối với các nỗ lực nhằm tăng cường hợp tác trong lĩnh vực đó.

Hướng dẫn điền Biểu mẫu C

Sử dụng biểu mẫu này để mô tả chính sách của quốc gia về việc công bố kết quả nghiên cứu sinh học. Một số quốc gia có thể có một chính sách thống nhất và được quy định rõ ràng; trong khi nhiều quốc gia khác có thể áp dụng nhiều chính sách hoặc hướng dẫn khác nhau do các cơ quan hoặc tổ chức khác nhau ban hành. Bộ Giáo dục, Bộ Khoa học hoặc các cơ quan tương đương như các hội đồng nghiên cứu có thể là nơi lưu giữ các thông tin này. Ngoài ra, cũng nên liên hệ với viện hàn lâm khoa học quốc gia, các hiệp hội nghề nghiệp trong lĩnh vực sinh học và các tổ chức đại diện cho các trường đại học trong nước để thu thập thông tin.

Biện pháp này cũng yêu cầu cụ thể các quốc gia cung cấp thông tin về chính sách công bố kết quả nghiên cứu được thực hiện tại các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm đã khai báo trong Biểu mẫu A, cũng như các nghiên cứu liên quan đến các đợt bùng phát dịch bệnh đã được khai báo trong Biểu mẫu B. Vì vậy, các đầu mối phụ trách Biểu mẫu A và Biểu mẫu B cũng cần được đề nghị cung cấp thông tin phục vụ việc hoàn thành Biểu mẫu C.

Không nhất thiết phải cung cấp danh mục đầy đủ các tạp chí hoặc bài báo có liên quan. Tuy nhiên, nếu muốn giới thiệu hoặc làm nổi bật một bài báo hoặc một tạp chí khoa học cụ thể, quốc gia thành viên có thể nêu trong biểu mẫu này.

Nếu gặp khó khăn trong quá trình hoàn thành phần này, có thể sử dụng các công cụ tìm kiếm trên Internet để tra cứu các thông tin đã được công bố trực tuyến.

Ví dụ về Biểu mẫu C đã được hoàn thành

(Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do Đan Mạch nộp)

Đan Mạch khuyến khích công bố các kết quả nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước, với điều kiện việc công bố tuân thủ các quy định và thông lệ tốt về an ninh sinh học.

Trong báo cáo thường niên năm 2007, Đan Mạch giới thiệu các ấn phẩm:

Biosecurity in Scandinavia (An ninh sinh học tại Scandinavia). Kristian H. Bork, Vibeke Halkjaer-Knudsen, John-Erik Stig Hansen, Erik D. Heegaard. *Biosecurity and Bioterrorism: Biodefense Strategy, Practice, and Science*, tháng 4 năm 2007, Tập 5, Số 1, trang 62–71.

Biological Incident Response and Environmental Sampling – a European Guideline on Principles of Field Investigation (Ứng phó sự cố sinh học và lấy mẫu môi trường – Hướng dẫn của châu Âu về các nguyên tắc điều tra hiện trường). Ủy ban châu Âu, Tổng vụ Y tế và Bảo vệ Người tiêu dùng (DG Health and Consumer Protection), Đơn vị Các mối đe dọa đối với sức khỏe (Health Threats Unit), năm 2006.

http://ec.europa.eu/health/ph_threats/com/preparedness/docs/biological.pdf

Biểu mẫu D**BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “D”**

(Bị bãi bỏ theo quyết định của Hội nghị rà soát lần thứ Bảy – Biểu mẫu này không còn là một phần của hệ thống Biện pháp xây dựng lòng tin (CBMs).

Biểu mẫu E

BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “E”

Khai báo về pháp luật, quy định và các biện pháp khác

Tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba, các quốc gia thành viên đã thống nhất thực hiện nội dung sau đây, sau đó được Hội nghị rà soát lần thứ Bảy sửa đổi:

Để thể hiện các biện pháp đã được thực hiện nhằm triển khai Công ước, các quốc gia thành viên phải khai báo việc mình có hay không có các văn bản pháp luật, quy định hoặc các biện pháp khác:

(a) Nhằm cấm và ngăn chặn việc phát triển, sản xuất, tàng trữ, mua sắm hoặc lưu giữ các tác nhân vi sinh vật hoặc tác nhân sinh học khác, độc tố, vũ khí, trang thiết bị và phương tiện mang quy định tại Điều I của Công ước trong phạm vi lãnh thổ quốc gia hoặc tại bất kỳ nơi nào thuộc quyền tài phán hoặc quyền kiểm soát của mình;

(b) Liên quan đến việc xuất khẩu hoặc nhập khẩu các vi sinh vật gây bệnh cho người, động vật và thực vật hoặc các loại độc tố, phù hợp với Công ước;

(c) Liên quan đến an toàn sinh học và an ninh sinh học.

Các quốc gia thành viên phải hoàn thành Biểu mẫu E kèm theo và sẵn sàng cung cấp bản sao các văn bản pháp luật, quy định hoặc mô tả bằng văn bản về các biện pháp khác khi có yêu cầu từ Đơn vị hỗ trợ thực thi (ISU) thuộc Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề Giải trừ quân bị hoặc từ một quốc gia thành viên khác. Hằng năm, các quốc gia thành viên cũng phải cho biết trên chính Biểu mẫu E liệu có hay không có sửa đổi đối với các văn bản pháp luật, quy định hoặc các biện pháp khác đã khai báo.

Hướng dẫn điền Biểu mẫu E

Việc tất cả các quốc gia thành viên nội luật hóa Công ước Vũ khí sinh học (BWC) có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, vì đây là cơ sở bảo đảm việc thực hiện hiệu quả các nguyên tắc và nghĩa vụ được quy định trong Công ước. Để phản ánh cách thức triển khai Công ước ở cấp quốc gia, các quốc gia thành viên cần khai báo trong Biểu mẫu E về việc mình đã ban hành hay chưa các văn bản pháp luật, quy định hoặc các biện pháp khác nhằm thực hiện Công ước.

Việc tăng cường chia sẻ thông tin về việc triển khai pháp lý Công ước Vũ khí sinh học (BWC) giúp nâng cao lòng tin và tính minh bạch giữa các quốc gia thành viên. Đồng thời, việc này cũng phản ánh khuôn khổ quản trị đối với các hoạt động thuộc phạm vi Các Biện pháp xây dựng lòng tin (CBMs), tạo điều kiện để các quốc gia so sánh các cơ chế hiện có và chia sẻ các thông lệ tốt.

Phạm vi của Biểu mẫu E

Việc thực hiện Công ước được hiểu là bao gồm tất cả các biện pháp góp phần đạt được mục tiêu và tôn chỉ của Công ước. Các biện pháp thực hiện có thể

tồn tại dưới nhiều hình thức và được áp dụng ở nhiều cấp độ khác nhau, như: văn bản pháp luật, quy định, quy tắc ứng xử và các thông lệ tốt. Tất cả các biện pháp này đều góp phần triển khai Công ước trên thực tế và bảo đảm việc tuân thủ Công ước.

Biểu mẫu E tập trung vào các nội dung sau:

1. Pháp luật và các quy định liên quan đến Điều I của Công ước (về phát triển, sản xuất, tàng trữ, mua sắm hoặc lưu giữ các tác nhân vi sinh vật hoặc các tác nhân sinh học khác, độc tố, vũ khí, trang thiết bị và phương tiện mang), ví dụ như các văn bản nội luật hóa Công ước Vũ khí sinh học vào hệ thống pháp luật quốc gia hoặc các quy định của pháp luật hình sự.

2. Pháp luật và các quy định liên quan đến Điều III của Công ước (về chuyển giao), ví dụ như các quy định về xuất khẩu và nhập khẩu các vi sinh vật và/hoặc độc tố gây bệnh cho người, động vật và thực vật phù hợp với Công ước.

3. Pháp luật và các quy định liên quan đến Điều IV của Công ước (về cấm và ngăn ngừa), cũng như các thỏa thuận được thông qua tại các Hội nghị rà soát nhằm bảo vệ và bảo đảm an toàn đối với các tác nhân sinh học và độc tố thuộc phạm vi Công ước; ví dụ như các văn bản pháp luật, quy định và các biện pháp khác về an toàn sinh học và an ninh sinh học.

Các biện pháp này có thể bao gồm:

- Thiết lập hệ thống cấp phép đối với việc sở hữu các tác nhân sinh học và độc tố cụ thể, bao gồm cả việc cấp phép cho nhân sự có liên quan;
- Cấp phép sử dụng các tác nhân sinh học và độc tố cụ thể;
- Cấp phép đối với các hoạt động biến đổi gen các tác nhân sinh học;
- Bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc đối với các tác nhân sinh học và độc tố;
- Thiết lập hệ thống cấp phép vận chuyển các tác nhân sinh học và độc tố trong phạm vi lãnh thổ quốc gia;
- Thiết lập hệ thống thanh tra, kiểm tra quốc gia đối với các cơ sở lưu giữ các tác nhân sinh học và độc tố cụ thể;
- Bảo đảm an ninh vật lý đối với các cơ sở lưu giữ các tác nhân sinh học và độc tố;
- Thiết lập cơ chế bắt buộc thông báo khi xảy ra mất mát hoặc thất thoát các tác nhân sinh học và độc tố;
- Xây dựng các chương trình đào tạo và giáo dục dành cho những người được tiếp cận các tác nhân sinh học và độc tố thuộc phạm vi điều chỉnh của Công ước.

Thông tin mà quốc gia của bạn đã cung cấp trong khuôn khổ thực hiện Nghị quyết 1540 của Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (UNSCR 1540) cũng có thể được sử dụng và có giá trị tham khảo khi hoàn thành Biểu mẫu E.

Điền Biểu mẫu E

Biểu mẫu gốc bao gồm một bảng để đánh dấu câu trả lời “Có” hoặc “Không”. Tuy nhiên, nên liệt kê cụ thể các văn bản pháp luật và quy định có liên quan, đồng thời, nếu có thể, cung cấp đường dẫn Internet đến toàn văn của các văn bản đó. Cũng khuyến nghị gửi cho Đơn vị hỗ trợ thực thi (ISU) bản sao các văn bản và biện pháp đã khai báo nhằm bổ sung cơ sở dữ liệu về thực thi quốc gia của ISU.

Thu thập thông tin

Khuyến nghị đầu mỗi quốc gia về CBM sử dụng mạng lưới các đầu mối của các bộ, ngành để thu thập thông tin. Đặc biệt, đầu mối tại Bộ Tư pháp và Bộ Khoa học và Công nghệ có thể là những nguồn thông tin hữu ích.

Cập nhật thông tin đã khai báo

Sau khi đã khai báo các biện pháp thực hiện lần đầu, trong những năm tiếp theo, quốc gia chỉ cần cho biết liệu có bất kỳ thay đổi hoặc sửa đổi nào đối với các biện pháp đó hay không.

Lưu ý: Trong khuôn khổ Quyết định của Hội đồng Liên minh châu Âu về hỗ trợ thực hiện Công ước Vũ khí sinh học (BWC), các quốc gia có thể nhận được hỗ trợ pháp lý phục vụ việc triển khai Công ước. Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ Đơn vị hỗ trợ thực thi (ISU).

Biểu mẫu CBM**Biểu mẫu E****Khai báo về pháp luật, quy định và các biện pháp khác**

Liên quan đến	Pháp luật	Quy định	Biện pháp khác¹²	Có sửa đổi kể từ năm trước
(a) Phát triển, sản xuất, tàng trữ, mua sắm hoặc lưu giữ các tác nhân vi sinh vật hoặc các tác nhân sinh học khác, độc tố, vũ khí, trang thiết bị và phương tiện mang quy định tại Điều I của Công ước	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không
(b) Xuất khẩu các vi sinh vật ¹³ và độc tố	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không
(c) Nhập khẩu các vi sinh vật ¹⁴ và độc tố	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không
(d) An toàn sinh học ¹⁵ và an ninh sinh học ¹⁶	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không

¹² Bao gồm các hướng dẫn.

¹³ Các vi sinh vật gây bệnh cho người, động vật và thực vật theo quy định của Công ước.

¹⁴ Các vi sinh vật gây bệnh cho người, động vật và thực vật theo quy định của Công ước.

¹⁵ Theo phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hoặc các hướng dẫn tương đương ở cấp quốc gia hoặc quốc tế.

¹⁶ Theo phiên bản mới nhất của *Cẩm nang An toàn sinh học Phòng thí nghiệm* của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) hoặc các hướng dẫn tương đương ở cấp quốc gia hoặc quốc tế.

Ví dụ về Biểu mẫu E đã được hoàn thành

(Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do Nhật Bản nộp)

Biểu mẫu E

Khai báo về pháp luật, quy định và các biện pháp khác

Liên quan đến	Pháp luật	Quy định	Biện pháp khác¹²	Có sửa đổi kể từ năm trước
(a) Phát triển, sản xuất, tàng trữ, mua sắm hoặc lưu giữ các tác nhân vi sinh vật hoặc các tác nhân sinh học khác, độc tố, vũ khí, trang thiết bị và phương tiện mang quy định tại Điều I của Công ước	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không
(b) Xuất khẩu các vi sinh vật ¹³ và độc tố	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không
(c) Nhập khẩu các vi sinh vật ¹⁴ và độc tố	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không
(d) An toàn sinh học ¹⁵ và an ninh sinh học ¹⁶	Có/Không	Có/Không	Có/Không	Có/Không

Tên các văn bản pháp luật, quy định và các biện pháp khác

- Luật Ngoại hối và Ngoại thương (Foreign Exchange and Foreign Trade Law) (1948).
- Luật về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học) và vũ khí độc tố, về tiêu hủy các loại vũ khí này và thực hiện các điều ước quốc tế khác (1995).
- Sắc lệnh của Nội các quy định chi tiết thi hành Luật về thực hiện Công ước cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học) và vũ khí độc tố, về tiêu hủy các loại vũ khí này (1995).
- Luật về phòng, chống bệnh truyền nhiễm và chăm sóc y tế đối với người mắc bệnh truyền nhiễm (1998).

Biểu mẫu F

BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “F”

Khai báo về các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ đã thực hiện trong quá khứ

Nhằm tăng cường tính minh bạch và cởi mở, các quốc gia thành viên phải khai báo việc mình có hay không đã tiến hành bất kỳ chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ nào kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1946.

Nếu có, các quốc gia thành viên phải cung cấp thông tin về các chương trình đó theo Biểu mẫu F.

Hướng dẫn điền Biểu mẫu F

Nếu quốc gia của bạn đã từng tiến hành bất kỳ chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công hoặc phòng thủ nào kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1946, các chương trình đó cần được mô tả trong biểu mẫu này.

Để tăng cường tính minh bạch, Công ước cũng hoan nghênh việc các quốc gia cung cấp thông tin về các chương trình tấn công hoặc phòng thủ đã được thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 1946.

Mục tiêu là trình bày rõ ràng, theo trình tự thời gian, quá trình hình thành, phát triển và chấm dứt của các chương trình này, nếu phù hợp. Nội dung có thể bao gồm phần tường thuật về các mốc thời gian hoặc bước ngoặt quan trọng của chương trình; các tác nhân và vũ khí đã được sản xuất; trang thiết bị phòng thủ và vắc-xin đã được phát triển, sản xuất; các cuộc thử nghiệm lớn; và các cơ sở tham gia chương trình. Có thể sử dụng các tài liệu lịch sử chính thức đã được công bố hoặc dẫn chiếu đến các tài liệu lưu trữ được công khai. Thuật ngữ “chương trình” được hiểu là toàn bộ các hoạt động và nghiên cứu do một quốc gia thành viên tài trợ và được tiến hành nhằm phát triển các biện pháp bảo vệ trước vũ khí sinh học (chương trình phòng thủ) hoặc nhằm phát triển và sản xuất vũ khí sinh học (chương trình tấn công).

Các hoạt động nghiên cứu và phát triển thuộc chương trình sinh học tấn công bao gồm, nhưng không giới hạn ở, nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực, độc tố học, độ bền trong môi trường, khí sinh học, né tránh bị phát hiện, dự phòng và điều trị, phương pháp sản xuất, bào chế, phương tiện mang và các hoạt động nghiên cứu, phát triển liên quan khác, không phụ thuộc vào trình độ hoặc mức độ tiên tiến của khoa học và công nghệ được sử dụng trong chương trình đó. Ngoài ra, tất cả các hoạt động được liệt kê tại mục 2, gạch đầu dòng thứ ba của Biểu mẫu F, gồm sản xuất, thử nghiệm và đánh giá, vũ khí hóa, tàng trữ tác nhân sinh học, chương trình tiêu hủy các tác nhân và vũ khí đó, cùng các nghiên cứu liên quan khác, đều phải được khai báo.

Các hoạt động thuộc chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học phòng thủ bao gồm, nhưng không giới hạn ở, mọi loại hoạt động hoặc nghiên cứu được liệt kê tại mục 3, gạch đầu dòng thứ ba của Biểu mẫu F, gồm dự phòng, khả năng gây bệnh và độc lực, kỹ thuật chẩn đoán, khí sinh học, phát hiện, điều trị, độc tố học, bảo vệ vật lý, khử nhiễm và các nghiên cứu liên quan khác, không phụ thuộc vào trình độ hoặc mức độ tiên tiến của khoa học và công nghệ được sử dụng trong chương trình đó. Trong phạm vi có thể, cần cung cấp địa điểm thực hiện các hoạt động này.

Mức độ chi tiết của thông tin do quốc gia thành viên tự quyết định. Tuy nhiên, nhằm tăng cường tính minh bạch, nên cân nhắc cung cấp càng nhiều thông tin càng tốt. Trường hợp một quốc gia thành viên từng triển khai cả chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học tấn công và phòng thủ, không được gộp phần tóm tắt của hai loại hoạt động này. Mục 2 và mục 3 yêu cầu trình bày riêng phần tóm tắt về chương trình tấn công và chương trình phòng thủ.

Nguồn thông tin có thể sử dụng để hoàn thành Biểu mẫu F

Thông tin cần thiết để điền Biểu mẫu F nhiều khả năng được lưu giữ tại các cơ quan sau:

Đối với mục 1 của Biểu mẫu F (Ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên):

- Bộ Ngoại giao của quốc gia thành viên; hoặc
- Trang thông tin điện tử của Liên hợp quốc về các điều ước giải trừ quân bị. Trang này liệt kê ngày nộp văn kiện phê chuẩn hoặc gia nhập của từng quốc gia thành viên. Ngày Công ước có hiệu lực là ngày đầu tiên văn kiện được nộp cho một trong các quốc gia lưu trữ.

Đối với mục 2 của Biểu mẫu F (Các chương trình tấn công trước đây):

- Bộ Quốc phòng và các cơ quan lưu trữ quân sự quốc gia, cơ quan lưu trữ quốc gia hoặc cơ quan lưu trữ tư nhân có thể là những nguồn thông tin hữu ích. Trong trường hợp trách nhiệm nghiên cứu, phát triển, sản xuất và tiêu hủy vũ khí sinh học cùng phương tiện mang được phân chia giữa nhiều quân, binh chủng hoặc cơ quan khác nhau, có thể cần liên hệ với nhiều đầu mối tại Bộ Quốc phòng hoặc các cơ quan lưu trữ quốc gia.

- Ngày kết thúc của “thời kỳ hoạt động” phải là thời điểm toàn bộ các hoạt động đã chấm dứt và việc tiêu hủy tất cả vũ khí sinh học đã hoàn tất.

- Các bộ, ngành và cơ quan khác (ví dụ: công nghiệp, nông nghiệp, y tế...) cũng có thể là nguồn thông tin liên quan trong trường hợp các cơ sở sản xuất dân sự đã tham gia hoặc được chỉ định để sản xuất vũ khí sinh học, hoặc khi các cơ sở dân sự tham gia vào các hoạt động khác liên quan đến chương trình tấn công, bao gồm cả nghiên cứu và phát triển.

Đối với mục 3 của Biểu mẫu F (Các chương trình phòng thủ trước đây):

- Bộ Quốc phòng có thể là cơ quan cung cấp thông tin chính. Các đầu mối phù hợp có thể là các đơn vị phụ trách chính sách, quản lý kinh phí nghiên cứu, phát triển và mua sắm trang thiết bị quốc phòng hoặc quân sự phục vụ các chương trình phòng thủ sinh học, cũng như các cơ quan y tế quân sự. Các đơn vị lưu trữ, cả ở cấp trung ương và tại các cơ sở, đơn vị có liên quan, cũng là những nguồn thông tin quan trọng.

- Bộ Nội vụ hoặc cơ quan phụ trách an ninh nội địa cũng có thể là cơ quan liên quan trong trường hợp tồn tại các chương trình phòng thủ sinh học dân sự.

Trong trường hợp các chương trình phòng thủ sinh học trước đây vẫn tiếp tục được triển khai tại thời điểm quốc gia thành viên nộp báo cáo lần đầu, thì thời điểm kết thúc của “thời kỳ hoạt động” được ghi trong Biểu mẫu F phải là ngày nộp lần đầu Biểu mẫu A, Phần 2 (Trao đổi thông tin về các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học).

Trong trường hợp sau khi đã nộp Biểu mẫu A, Phần 2 lần đầu, quốc gia thành viên không tiếp tục nộp báo cáo CBM hằng năm, thì khi nộp lại CBM, quốc gia đó phải lập một bản khai mới theo Biểu mẫu F đối với giai đoạn chưa thực hiện việc khai báo CBM.

Việc hoàn thành Biểu mẫu F đòi hỏi nhiều thông tin chi tiết, do đó các bộ, ngành và cơ quan liên quan có thể cần một khoảng thời gian đáng kể để thu thập và cung cấp thông tin. Điều này cần được tính đến khi chuẩn bị Biểu mẫu F nhằm bảo đảm hoàn thành đúng thời hạn nộp CBM.

Nếu một quốc gia thành viên không từng triển khai chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công hoặc phòng thủ trong quá khứ thì không cần điền Biểu mẫu F. Trong trường hợp này, quốc gia chỉ cần đánh dấu vào ô “Không có nội dung để khai báo” đối với Biện pháp F trong Biểu mẫu 0 (Biểu mẫu khai báo không có nội dung để khai báo hoặc không có nội dung mới để khai báo dùng trong trao đổi thông tin).

Biểu mẫu CBM

Biểu mẫu F

Khai báo về các hoạt động trong quá khứ thuộc các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ

1. Ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên.

2. Các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công trong quá khứ:

- Có / Không
- Thời kỳ hoạt động:

-
- Có / Không
 - Thời kỳ hoạt động:

Tóm tắt các hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó nêu rõ chương trình có hay không bao gồm các hoạt động: sản xuất, thử nghiệm và đánh giá, vũ khí hóa, tàng trữ các tác nhân sinh học, chương trình tiêu hủy các tác nhân và vũ khí đó, và các hoạt động nghiên cứu liên quan khác.

3. Các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích phòng thủ trong quá khứ:

Tóm tắt các hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó nêu rõ chương trình có hay không bao gồm các lĩnh vực: dự phòng; nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực; kỹ thuật chẩn đoán; khí sinh học; phát hiện; điều trị; độc tố học; bảo vệ vật lý; khử nhiễm; và các nghiên cứu liên quan khác; đồng thời, nếu có thể, nêu rõ địa điểm thực hiện các hoạt động này.

Ví dụ về Biểu mẫu F đã được hoàn thành

(Điều chỉnh từ các Biểu mẫu CBM do Vương quốc Anh nộp năm 1992 và năm 2012)

Biểu mẫu F

Khai báo về các hoạt động trong quá khứ thuộc các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ

1. Ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên

26 tháng 3 năm 1975.

2. Các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công trong quá khứ

Thông tin cập nhật:

Vương quốc Anh đã cung cấp thông tin về chương trình tấn công trước đây của mình trong bản khai CBM năm 1992. Kể từ thời điểm đó, Biểu mẫu F chưa được cập nhật. Trong năm qua, qua quá trình rà soát định kỳ các hồ sơ được lưu giữ tại Cơ quan Lưu trữ Quốc gia, đã phát hiện thêm thông tin về một số hoạt động thử nghiệm liên quan đến chiến tranh sinh học chống vật nuôi, những nội dung trước đây chưa từng được đề cập trong các bản khai CBM của Vương quốc Anh. Vì vậy, Vương quốc Anh sử dụng cơ hội này để cập nhật thông tin đã khai báo trong Biểu mẫu F. Bản khai Biểu mẫu F ban đầu cũng được đính kèm lại trong báo cáo năm nay.

Tiểu ban Thử nghiệm Porton được thành lập vào tháng 9 năm 1940 với tư cách là một tiểu ban của Nội các Chiến tranh nhằm nghiên cứu tính khả thi của chiến tranh sinh học. Trước thời điểm đó, tại Vương quốc Anh chưa có hoạt động nghiên cứu khoa học có hệ thống nào về chiến tranh sinh học tấn công hoặc phòng thủ. Những người tham gia chương trình của Vương quốc Anh xuất phát từ quan điểm rằng chỉ khi nghiên cứu đầy đủ các phương thức tấn công mới có thể xây dựng được các biện pháp phòng thủ hiệu quả.

Tháng 11 năm 1940, các hoạt động nghiên cứu được triển khai tại Porton Down, thuộc Trạm Thử nghiệm Phòng thủ Hóa học (CDES), nhằm đánh giá tính khả thi của chiến tranh sinh học, xác định các biện pháp phòng thủ cần thiết và chuẩn bị khả năng đáp trả tương xứng trong trường hợp Vương quốc Anh hoặc các đồng minh bị tấn công bằng vũ khí sinh học.

Trong khuôn khổ chương trình này, vào tháng 01 năm 1941, Vương quốc Anh đã xem xét khả năng tiến hành các cuộc tấn công nhằm vào vật nuôi thông qua việc sử dụng các phân tử phá hoại hoặc máy bay để phát tán tác nhân gây bệnh. Theo hiểu biết về bệnh ở người và động vật tại thời điểm đó, việc phát tán dịch bệnh trên động vật được đánh giá là một phương thức tấn công có hiệu quả hơn.

Sau đó, Bộ Nông nghiệp và Thủy sản được đề xuất triển khai hoặc tiếp tục các công tác chuẩn bị nhằm đáp trả bằng việc sử dụng các bệnh trên động vật tại các cơ sở nghiên cứu ở Weybridge và Pirbright hoặc tại các địa điểm khác¹. Các bệnh được nghiên cứu gồm:

- Bệnh lở mồm long móng (FMD);
- Bệnh dịch tả trâu bò;
- Bệnh Glanders (bệnh ty thụ);
- Bệnh dịch tả lợn.

Trong các năm 1941 và 1942, nhiều thử nghiệm đã được tiến hành nhằm đánh giá khả năng tồn tại của vi-rút gây bệnh dịch tả lợn trên một số loại thực phẩm, đặc biệt là các bánh thức ăn chăn nuôi, cũng như sau khi được phun lên cỏ. Các chương trình thử nghiệm tương tự cũng được tiến hành đối với vi-rút gây bệnh lở mồm long móng và vi-rút gây bệnh dịch tả trâu bò.

Đồng thời, các nghiên cứu cũng được thực hiện nhằm phát triển các biện pháp phòng thủ chống lại các tác nhân này. Đối với bệnh Glanders, các nghiên cứu ban đầu tập trung vào độc lực, khả năng phát triển và tồn tại của tác nhân gây bệnh, cũng như các biện pháp phòng thủ.

Các tài liệu hiện có cho thấy trong giai đoạn 1940 - 1942 không có thêm bước tiến đáng kể nào trong việc phát triển các tác nhân này thành vũ khí có khả năng sử dụng trên thực tế. Mặc dù đã tiến hành các thử nghiệm sử dụng vi-rút gây bệnh lở mồm long móng và vi-rút gây bệnh dịch tả trâu bò trong bánh thức ăn dành cho gia súc, nhưng không tìm thấy bằng chứng cho thấy các tác nhân này đã được sản xuất và dự trữ với quy mô tương tự như các bánh thức ăn gia súc chứa bào tử bệnh than (anthrax), vốn là phương tiện duy nhất tạo nên năng lực đáp trả bằng vũ khí sinh học của Vương quốc Anh trong Chiến tranh thế giới thứ hai.

¹ Pirbright, thuộc hạt Surrey, là Trạm Nghiên cứu bệnh lở mồm long móng của Bộ Nông nghiệp và Thủy sản. Weybridge, cũng thuộc hạt Surrey, là Phòng thí nghiệm Thú y của Bộ này.

Bản khai biểu mẫu F ban đầu

1. Ngày Công ước có hiệu lực đối với quốc gia thành viên

Vương quốc Anh đã ký Công ước vào tháng 4 năm 1972 và phê chuẩn vào tháng 3 năm 1975. Đạo luật Vũ khí sinh học năm 1974 (Biological Weapons Act 1974) là văn bản nội luật hóa các quy định của Công ước.

2. Các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công trong quá khứ

- Có.
- Thời kỳ hoạt động:

Vương quốc Anh từng triển khai một chương trình quy mô hạn chế nhằm xây dựng năng lực đáp trả tương xứng trong trường hợp lực lượng của Vương quốc Anh bị tấn công bằng vũ khí sinh học. Chương trình bắt đầu từ năm 1940 và chấm dứt vào cuối những năm 1950.

Tóm tắt các hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó nêu rõ chương trình có hay không bao gồm các hoạt động sản xuất, thử nghiệm và đánh giá, vũ khí hóa, tàng trữ tác nhân sinh học, chương trình tiêu hủy các tác nhân và vũ khí đó, cũng như các nghiên cứu liên quan khác.

Mối quan ngại của Vương quốc Anh về nguy cơ sử dụng vũ khí sinh học trong tương lai bắt đầu từ những năm 1920 và tiếp tục trong suốt thập niên 1930. Năm 1936, một tiểu ban thuộc Ủy ban Quốc phòng Đế quốc được thành lập với nhiệm vụ “đánh giá tính khả thi của chiến tranh vi khuẩn và đưa ra khuyến nghị về các biện pháp đối phó cần thiết trong trường hợp xảy ra tình huống đó”. Trên cơ sở này, năm 1940, Cục Sinh học Porton (BDP) được thành lập.

Trong giai đoạn 1940 - 1946, BDP là cơ quan chủ trì các nghiên cứu về vũ khí sinh học của Vương quốc Anh. Mặc dù đặt trong Trạm Thử nghiệm Phòng thủ Hóa học (CDES), BDP là một đơn vị tương đối độc lập với quy mô nhỏ (lớn nhất khoảng 45 người). Nhiệm vụ của đơn vị là đánh giá tính khả thi của vũ khí sinh học, xác định các biện pháp phòng thủ cần thiết và xây dựng năng lực đáp trả tương xứng trong trường hợp Vương quốc Anh hoặc các nước đồng minh bị tấn công bằng vũ khí sinh học.

Trong khuôn khổ nhiệm vụ này, các cuộc thử nghiệm phát tán bào tử bệnh than từ bom đã được tiến hành trên đảo Gruinard trong các năm 1942 và 1943. Sau khi chứng minh được hiệu quả của phương thức phát tán này, Vương quốc Anh cùng Hoa Kỳ và Canada bắt đầu triển khai một chương trình hợp tác phát triển năng lực đáp trả bằng bom chùm mang đạn chứa bào tử bệnh than, được gọi là Dự án N-bomb.

Dự án này chưa hoàn thành trước khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc. Trong thời gian đó, yêu cầu của Nội các Chiến tranh về việc xây dựng năng lực đáp trả bằng vũ khí sinh học được đáp ứng thông qua việc phát triển một năng lực

chiến tranh sinh học chống vật nuôi ở quy mô hạn chế, sử dụng bào tử bệnh than được đưa vào các bánh thức ăn gia súc và phát tán bằng máy bay. Trong các năm 1942–1943, BDP đã sản xuất khoảng 5 triệu bánh thức ăn gia súc chứa bào tử bệnh than, được lưu giữ tại Porton. Loại vũ khí này chưa từng được sử dụng trong thực tế.

Ngay sau chiến tranh, toàn bộ số bánh thức ăn gia súc chứa bào tử bệnh than đã được tiêu hủy bằng phương pháp khử trùng bằng nồi hấp áp lực và đốt. Chỉ còn lại một số ít thùng các-tông, mỗi thùng chứa 400 bánh, được lưu giữ làm hiện vật trong bộ sưu tập mẫu của Cơ sở Nghiên cứu Vi sinh (MRE) tại Porton. Các mẫu này cũng đã bị tiêu hủy vào năm 1972 khi Vương quốc Anh ký Công ước Vũ khí sinh học.

Mặc dù một số nghiên cứu liên quan đến khía cạnh tấn công vẫn được tiếp tục trong vài năm sau Chiến tranh thế giới thứ hai, đến năm 1957 Vương quốc Anh đã chấm dứt toàn bộ hoạt động nghiên cứu nhằm xây dựng năng lực tấn công. Kể từ đó, các hoạt động nghiên cứu chỉ còn tập trung vào phòng thủ sinh học, bao gồm đánh giá các nguy cơ trong trường hợp Vương quốc Anh bị tấn công bằng vũ khí sinh học.

3. Các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích phòng thủ trong quá khứ

- Có.
- Thời kỳ hoạt động:

Từ năm 1940 đến nay.

Tóm tắt các hoạt động nghiên cứu và phát triển, trong đó nêu rõ chương trình có hay không bao gồm các lĩnh vực: dự phòng; nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực; kỹ thuật chẩn đoán; khí sinh học; phát hiện; điều trị; độc tố học; bảo vệ vật lý; khử nhiễm; và các nghiên cứu liên quan khác; đồng thời, nếu có thể, nêu rõ địa điểm thực hiện.

Các hoạt động phòng thủ sinh học được BDP triển khai từ năm 1940, tập trung chủ yếu vào đánh giá các biện pháp bảo vệ đường hô hấp, tiêm chủng, điều trị bằng kháng sinh và khử nhiễm.

Đến năm 1946, BDP được đổi tên thành Cục Nghiên cứu Vi sinh (MRD). Năm 1951, MRD được chuyển sang một tòa nhà riêng trong khuôn viên của cơ sở khi đó đã được đổi tên thành Cơ sở Thử nghiệm Phòng thủ Hóa học (CDEE). Đơn vị vẫn mang tên MRD cho đến năm 1957, khi được đổi tên thành Cơ sở Nghiên cứu Vi sinh (MRE), và tiếp tục hoạt động dưới tên gọi này cho đến năm 1979.

Các hoạt động nghiên cứu phòng thủ tiếp tục được thực hiện từ năm 1946 tại Cục Nghiên cứu Vi sinh (MRD) và sau đó tại Cơ sở Nghiên cứu Vi sinh (MRE). Chương trình bao gồm các nghiên cứu về khả năng gây bệnh và độc lực,

khí sinh học và mô hình gây nhiễm qua đường hô hấp trong thực nghiệm, phát hiện và cảnh báo sol khí vũ khí sinh học, nhận dạng nhanh các tác nhân vũ khí sinh học và chẩn đoán nhanh các bệnh truyền nhiễm, dự phòng, độc tố học, bảo vệ vật lý cho cá nhân và tập thể, cũng như khử nhiễm.

Phần lớn các nghiên cứu này được tiến hành tại Porton. Tuy nhiên, trong giai đoạn 1948–1955, các thử nghiệm ngoài thực địa sử dụng tác nhân gây bệnh đã được tiến hành trên vùng biển khơi ngoài khơi Bahamas và bờ biển Scotland. Ban đầu, các thử nghiệm này nhằm đánh giá tính khả thi của việc tiến hành thử nghiệm trên biển; về sau, mục tiêu là thu thập dữ liệu về đặc tính của sol khí vi sinh vật trong điều kiện thực tế. Mặc dù các nghiên cứu này được bắt đầu trong giai đoạn các hoạt động nghiên cứu và phát triển mang mục đích tấn công vẫn đang được tiến hành, nhưng các dữ liệu thu được đều có giá trị phục vụ mục đích phòng thủ.

Vào cuối những năm 1960 và trong thập niên 1970, tỷ trọng nguồn lực của MRE dành cho phòng thủ sinh học dần được cắt giảm do ngân sách quốc phòng giảm, trong khi các hoạt động nghiên cứu dân sự và nghiên cứu vi sinh học được mở rộng. Đến cuối thập niên 1970, Chính phủ quyết định các hoạt động phòng thủ sinh học sẽ được chuyển sang Cơ sở Phòng thủ Hóa học (CDE) và được triển khai với quy mô nhỏ hơn. Quyết định này giúp tiết kiệm nguồn lực cho lĩnh vực quốc phòng, đồng thời tạo điều kiện để MRE tập trung hoàn toàn vào nghiên cứu vi sinh phục vụ y tế công cộng.

Năm 1979, MRE được chuyển giao cho Cơ quan Phòng thí nghiệm Y tế Công cộng thuộc Bộ Y tế và hiện nay là Trung tâm Nghiên cứu và Vi sinh Ứng dụng thuộc hệ thống y tế công cộng. Theo đó, từ ngày 01 tháng 4 năm 1979, một Ban Vi sinh Quốc phòng mới (DMD) được thành lập trong CDE, trở thành đầu mối thực hiện các nghiên cứu của Vương quốc Anh về phòng thủ trước vũ khí sinh học.

Đến đầu những năm 1980, những tiến bộ trong kỹ thuật di truyền, sinh học phân tử và công nghệ sinh học bắt đầu tác động đáng kể đến lĩnh vực phòng thủ sinh học. Những phát triển này đã được Vương quốc Anh đề cập trong các báo cáo trình cả ba Hội nghị rà soát của Công ước. Các tiến bộ khoa học và công nghệ đã dẫn đến việc đánh giá lại mức độ đe dọa mà các vũ khí sinh học và vũ khí độc tố có nguồn gốc sinh học có thể gây ra đối với lực lượng vũ trang Vương quốc Anh, đồng thời thúc đẩy các nỗ lực không ngừng nhằm nâng cao năng lực phát hiện và bảo vệ.

Trong các lĩnh vực này, Vương quốc Anh nhận thấy những công nghệ sinh học mới nổi sẽ có đóng góp quan trọng trong chương trình nghiên cứu tổng hợp của CDE nhằm ứng phó với các mối đe dọa từ vũ khí hóa học và sinh học (CBW). Tháng 4 năm 1991, CDE được đổi tên thành Cơ sở Phòng thủ Hóa học và Sinh học (CBDE) nhằm phản ánh chính xác hơn phạm vi hoạt động của cơ sở này.

Biểu mẫu G

BIỆN PHÁP XÂY DỰNG LÒNG TIN “G”

Khai báo về các cơ sở sản xuất vắc-xin

Nhằm tiếp tục tăng cường tính minh bạch đối với các hoạt động nghiên cứu và phát triển sinh học liên quan đến Công ước, đồng thời mở rộng tri thức khoa học và kỹ thuật theo quy định tại Điều X của Công ước, mỗi quốc gia thành viên phải khai báo tất cả các cơ sở sản xuất vắc-xin, bao gồm cả cơ sở của Chính phủ và ngoài Chính phủ, nằm trên lãnh thổ hoặc thuộc quyền tài phán hay quyền kiểm soát của mình ở bất kỳ nơi nào, có sản xuất các loại vắc-xin đã được quốc gia thành viên cấp phép để bảo vệ sức khỏe con người.

Thông tin được cung cấp theo Biểu mẫu G đính kèm.

Hướng dẫn điền Biểu mẫu G

Trong biểu mẫu này, cần liệt kê tất cả các cơ sở sản xuất vắc-xin trong quốc gia của bạn sản xuất các loại vắc-xin đã được Chính phủ cấp phép sử dụng để bảo vệ sức khỏe con người, bất kể các cơ sở đó thuộc sở hữu hoặc do Chính phủ quản lý hay thuộc khu vực tư nhân.

Nhằm tăng cường tính minh bạch, quốc gia thành viên cũng có thể cân nhắc khai báo các cơ sở thực hiện việc đóng gói, gia công hoặc phân phối vắc-xin. Ngoài ra, có thể xem xét khai báo các cơ sở sản xuất vắc-xin thú y hoặc chế phẩm phòng bệnh cho thực vật, mặc dù đây không phải là yêu cầu bắt buộc của biểu mẫu.

Thông thường, Bộ Y tế là cơ quan chịu trách nhiệm cấp phép các loại vắc-xin sử dụng để bảo vệ sức khỏe con người và có thể cung cấp danh sách các cơ sở sản xuất. Bộ Nông nghiệp cũng có thể hỗ trợ cung cấp thông tin về các cơ sở sản xuất vắc-xin cho động vật hoặc chế phẩm phòng bệnh cho thực vật. Bên cạnh đó, cũng nên tham khảo thông tin từ các hiệp hội ngành nghề và trang thông tin điện tử của các doanh nghiệp có liên quan.

Điền Biểu mẫu G

Biểu mẫu này cần được hoàn thành đối với từng cơ sở.

1. Tên cơ sở. Ghi đầy đủ tất cả các tên gọi mà cơ sở thường được biết đến.
2. Địa điểm (địa chỉ nhận thư). Ngoài địa chỉ nhận thư, có thể cân nhắc cung cấp thêm địa chỉ thực tế của cơ sở (nếu khác với địa chỉ nhận thư), cùng các thông tin liên hệ cơ bản như số điện thoại, địa chỉ thư điện tử và trang thông tin điện tử.
3. Mô tả khái quát các loại bệnh được phòng ngừa. Liệt kê tất cả các bệnh mà cơ sở sản xuất vắc-xin để phòng ngừa. Nhằm tăng cường tính minh bạch, có thể cân nhắc bổ sung thông tin về các hoạt động đóng gói và phân phối vắc-xin được thực hiện tại cơ sở.

Biểu mẫu CBM**Biểu mẫu G****Khai báo về các cơ sở sản xuất vắc-xin****1. Tên cơ sở:**

2. Địa điểm (địa chỉ nhận thư):

3. Mô tả khái quát các loại bệnh được phòng ngừa:

Ví dụ về Biểu mẫu G đã được hoàn thành

(Điều chỉnh từ Biểu mẫu CBM do Vương quốc Anh nộp)

Biểu mẫu G

Khai báo về các cơ sở sản xuất vắc-xin

1. Tên cơ sở:

MedImmune UK Ltd.

2. Địa điểm (địa chỉ nhận thư):

Plot 6 Renaissance Way

Boulevard Industry Park

Speke

Liverpool L24 9JW

3. Mô tả khái quát các loại bệnh được phòng ngừa:

Sản xuất vắc-xin phòng bệnh cúm.

Khai báo về các cơ sở sản xuất vắc-xin

1. Tên cơ sở:

Novartis Vaccines and Diagnostics Limited.

2. Địa điểm (địa chỉ nhận thư):

Gaskill Road

Speke

Liverpool L24 9GR

3. Mô tả khái quát các loại bệnh được phòng ngừa:

Trong năm 2007, cơ sở này chỉ sản xuất các loại vắc-xin phòng bệnh cúm, gồm hai loại:

a) Vắc-xin cúm mùa Bắc bán cầu.

Được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy vi-rút cúm đã thích nghi trên trứng. Vắc-xin chứa ba chủng vi-rút cúm (vắc-xin tam giá).

b) Vắc-xin cúm gia cầm H5N1.

Là vắc-xin đơn giá (chỉ chứa một chủng vi-rút). Được sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy trên trứng các chủng H5N1 đã được làm giảm độc lực thông qua kỹ thuật di truyền ngược. Quá trình sản xuất được xếp vào cấp độ an toàn sinh học Loại 2 (tăng cường). Các biện pháp tăng cường bao gồm yêu cầu sử dụng thêm phương tiện bảo vệ hô hấp (RPE) và tiêm vắc-xin cúm mùa Bắc bán cầu hiện hành cho những người trực tiếp tham gia sản xuất.

Tác nhân này được xác định là sinh vật biến đổi gen và đã được Cơ quan có thẩm quyền của Vương quốc Anh cấp giấy phép sản xuất phù hợp. Lệnh về Nhập khẩu Tác nhân Gây bệnh Động vật năm 1980 không áp dụng đối với các chủng này do chúng đã được làm giảm độc lực ở cấp độ di truyền.

Việc chuyển sang một cơ sở sản xuất vắc-xin cúm mới được xây dựng chuyên biệt dự kiến sẽ bắt đầu từ chiến dịch sản xuất năm 2009. Một số phòng thí nghiệm tại cơ sở mới đã đi vào hoạt động.

Khai báo về các cơ sở sản xuất vắc-xin

1. Tên cơ sở:

2. Địa điểm (địa chỉ nhận thư):

Trung tâm Sẵn sàng và Ứng phó Khẩn cấp

Porton Down

Salisbury

Wiltshire

SP4 0JG

Anh

3. Mô tả khái quát các loại bệnh được phòng ngừa:

Cơ sở sản xuất vắc-xin phòng bệnh than.

Biểu mẫu khai báo trang bìa (Biểu mẫu 0)

Hướng dẫn điền Biểu mẫu 0

Biểu mẫu khai báo trang bìa chỉ nên được hoàn thành sau khi đã hoàn tất các Biểu mẫu từ A đến G.

Đánh dấu vào ô “Không có nội dung để khai báo” nếu không có thông tin cần khai báo trong biểu mẫu tương ứng. Đồng thời, cần ghi rõ dòng chữ “Không có nội dung để khai báo” ngay trên chính biểu mẫu đó, thay vì để trống.

Để bảo đảm tính rõ ràng, việc hoàn thành Biểu mẫu 0 là rất quan trọng khi có các trường hợp thuộc diện áp dụng. Nếu đã bổ sung thông tin hoặc sửa đổi nội dung đã khai báo trước đây trong một biểu mẫu, hãy để trống tất cả các ô tương ứng với biểu mẫu đó trên Biểu mẫu 0. Nếu cần, có thể ghi chú vị trí hoặc nội dung đã được sửa đổi.

Trong các năm tiếp theo, nếu thông tin đã khai báo trước đây trong một biểu mẫu không có thay đổi, hãy đánh dấu vào ô “Không có nội dung mới để khai báo” đối với biểu mẫu đó và ghi năm của lần khai báo gần nhất. Đồng thời, cũng cần ghi rõ dòng chữ “Không có nội dung mới để khai báo” trên chính biểu mẫu tương ứng.

Ghi tên của quốc gia thành viên Công ước và nêu năm phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước. Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên lạc giữa các quốc gia thành viên, cần cung cấp thông tin về Đầu mối liên hệ quốc gia.

Biểu mẫu khai báo không có nội dung để khai báo hoặc không có nội dung mới để khai báo dùng trong trao đổi thông tin

Biện pháp	Không có nội dung để khai báo	Không có nội dung mới để khai báo	Năm của lần khai báo gần nhất (nếu không có nội dung mới để khai báo)
A, Phần 1			
A, Phần 2 (i)			
A, Phần 2 (ii)			
A, Phần 2 (iii)			
B			
C			
E			
F			
G			

(Vui lòng đánh dấu ✓ vào ô thích hợp đối với từng biện pháp và điền năm của lần khai báo gần nhất vào cột cuối cùng nếu áp dụng.)

Ngày:

Quốc gia thành viên Công ước:

Ngày phê chuẩn hoặc gia nhập Công ước:

Đầu mối liên hệ quốc gia:

Nhằm khuyến khích các quốc gia thành viên chia sẻ thông tin về các hội nghị, hội thảo, tọa đàm và các sự kiện tương tự dự kiến tổ chức có liên quan trực tiếp đến nghiên cứu sinh học thuộc phạm vi Công ước, cũng như các cơ hội khác về trao đổi khoa học và nghiên cứu chung, Hội nghị rà soát lần thứ Bảy đã bỏ

sung phần này vào Biểu mẫu khai báo trang bìa sau khi quyết định bãi bỏ Biểu mẫu D về thúc đẩy tích cực các hoạt động trao đổi.

Phần này của Biểu mẫu khai báo trang bìa không cần được điền. Đây chỉ là nội dung nhằm nhắc nhở các quốc gia thành viên thường xuyên thông báo cho Đơn vị hỗ trợ thực thi và các quốc gia thành viên khác về các sự kiện trong tương lai và các cơ hội hợp tác.

Thúc đẩy tích cực các hoạt động trao đổi

Tại Hội nghị rà soát lần thứ Ba, các quốc gia thành viên đã thống nhất tiếp tục thực hiện nội dung sau:

“Thúc đẩy tích cực các hoạt động trao đổi giữa các nhà khoa học, các chuyên gia khác và các cơ sở tiến hành nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước, bao gồm việc trao đổi đoàn và thăm lẫn nhau để thực hiện các nghiên cứu chung trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên.”

Nhằm tích cực thúc đẩy các mối quan hệ chuyên môn giữa các nhà khoa học, các dự án nghiên cứu chung và các hoạt động khác nhằm ngăn ngừa hoặc giảm thiểu sự mơ hồ, nghi ngờ và hoài nghi, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực các hoạt động vi khuẩn học (sinh học) vì mục đích hòa bình, Hội nghị rà soát lần thứ Bảy đã khuyến khích các quốc gia thành viên, trong phạm vi có thể, chia sẻ trước các thông tin sau:

- Các hội nghị quốc tế, hội thảo, tọa đàm và các sự kiện tương tự dự kiến được tổ chức liên quan đến nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước;
- Các cơ hội khác về trao đổi nhà khoa học, nghiên cứu chung hoặc các biện pháp khác nhằm thúc đẩy sự hợp tác giữa các nhà khoa học đang thực hiện các nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước;

bao gồm cả việc chia sẻ các thông tin này thông qua Đơn vị hỗ trợ thực thi thuộc Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề Giải trừ quân bị.

MỤC VI

CÁC LẦN NỘP TIẾP THEO: DUY TRÌ VÀ CẬP NHẬT THÔNG TIN

Sau khi quốc gia của bạn hoàn thành bản khai CBM đầu tiên, việc chuẩn bị các bản khai trong những năm tiếp theo sẽ đơn giản hơn vì phần lớn thông tin sẽ không thay đổi hằng năm. Đầu mỗi liên hệ quốc gia nên duy trì trao đổi thường xuyên với các đầu mối tại các bộ, ngành và các nguồn cung cấp thông tin khác để kịp thời thu thập các nội dung cần sửa đổi của các Biểu mẫu CBM trong suốt năm. Cách làm này sẽ giúp tiết kiệm thời gian và công sức khi chuẩn bị các bản khai CBM tiếp theo.

Việc chuẩn bị bản khai CBM cho các năm tiếp theo nên bắt đầu từ bản khai của năm trước. Cần rà soát từng biểu mẫu và cập nhật những thông tin đã thay đổi kể từ lần khai báo gần nhất. Việc thực hiện cập nhật định kỳ trong năm sẽ thuận lợi hơn so với việc chờ đến cuối năm mới tiến hành.

Bên cạnh tài liệu hướng dẫn này, nên xây dựng một tài liệu hướng dẫn chi tiết ở cấp quốc gia dành cho các cán bộ tham gia chuẩn bị CBM. Tài liệu này sẽ đặc biệt hữu ích khi có sự thay đổi về nhân sự.

Biểu mẫu A, Phần 1

Trước hết, cần xác định xem trong năm vừa qua có cơ sở nào đã chấm dứt hoạt động hoặc có cơ sở mới nào được thành lập hay không. Đối với các cơ sở đã ngừng hoạt động, cần cập nhật thông tin trên biểu mẫu đã khai báo; đối với các cơ sở mới, cần lập biểu mẫu khai báo mới.

Đối với các cơ sở vẫn đang hoạt động, cần kiểm tra lại toàn bộ thông tin để bảo đảm tính chính xác. Đặc biệt, cần lưu ý các thay đổi về chủ sở hữu, thông tin liên hệ, nguồn kinh phí, số lượng khu vực an toàn sinh học cấp độ cao nhất hoặc phạm vi hoạt động và cập nhật biểu mẫu cho phù hợp.

Biểu mẫu A, Phần 2

Cần cập nhật bản khai CBM của năm trước để phản ánh mọi thay đổi hoặc bổ sung liên quan đến các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học.

Đối với từng cơ sở đã khai báo theo Biểu mẫu A, Phần 2 (iii), cần cập nhật các trường hợp cơ sở chấm dứt hoạt động, cơ sở mới được thành lập và các thay đổi của các cơ sở hiện có theo cách thức tương tự như đối với Biểu mẫu A, Phần 1.

Biểu mẫu B

Hoàn thành biểu mẫu bằng cách bổ sung thông tin về các đợt bùng phát dịch bệnh có liên quan trong năm, đồng thời cập nhật và kiểm tra tính khả dụng của các liên kết đến trang thông tin của các tổ chức quốc tế hoặc cơ quan quốc gia đã được cung cấp trong các bản khai trước.

Biểu mẫu C

Nếu trong năm vừa qua có bất kỳ thay đổi nào đối với chính sách hoặc các chính sách về công bố kết quả nghiên cứu của quốc gia, cần cập nhật bản khai của năm trước để phản ánh những thay đổi đó.

Biểu mẫu E

Cập nhật biểu mẫu này để phản ánh mọi văn bản pháp luật, quy định hoặc các biện pháp khác mới được ban hành hoặc đã được sửa đổi nhằm thực hiện Công ước.

Biểu mẫu F

Mặc dù lịch sử của các chương trình trong quá khứ sẽ không thay đổi so với bản khai CBM của năm trước, nhưng hiểu biết của quốc gia về các chương trình này có thể được bổ sung hoặc thay đổi khi các tài liệu mới được giải mật hoặc được tìm thấy trong các kho lưu trữ. Vì vậy, cần cập nhật Biểu mẫu F để phản ánh các thông tin mới nếu cần thiết.

Biểu mẫu G

Cập nhật bản khai CBM của năm trước để phản ánh mọi thay đổi hoặc bổ sung liên quan đến các cơ sở sản xuất vắc-xin của quốc gia.

Đối với từng cơ sở đã khai báo, cần cập nhật các trường hợp cơ sở chấm dứt hoạt động, cơ sở mới được thành lập và các thay đổi đối với các cơ sở hiện có theo cách thức tương tự như đối với Biểu mẫu A, Phần 1.

MỤC VII

NGUỒN TƯ VẤN VÀ HỖ TRỢ

Bạn được khuyến khích liên hệ với các cơ quan và tổ chức dưới đây ngay từ giai đoạn đầu của quá trình chuẩn bị Biện pháp xây dựng lòng tin (CBM) để nhận được tư vấn và hỗ trợ.

Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước Vũ khí sinh học	
Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề Giải trừ quân bị Phòng S.61, Palais des Nations CH-1211 Geneva 10 Thụy Sĩ	Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước Vũ khí sinh học Điện thoại: (+41) 22 917 2261 Thư điện tử: bwc@unog.ch
Chiến lược về vũ khí hủy diệt hàng loạt và các Quyết định của Hội đồng Liên minh châu Âu hỗ trợ Công ước Vũ khí sinh học, an toàn sinh học và an ninh sinh học	
Cơ quan Đối ngoại Liên minh châu Âu 242 Rue de la Loi B-1046 Brussels, Bỉ Thư điện tử: NonProliferation-Disarm@eeas.europa.eu	Ông Jacek Bylica Cố vấn trưởng và Đặc phái viên về Không phổ biến và Giải trừ quân bị Bà Clara Ganslandt Trưởng Ban Vũ khí hủy diệt hàng loạt, Vũ khí thông thường và Không gian Điện thoại: (+32) 2 584 5480 Ông Nico Frandi Chuyên viên chính sách phụ trách Công ước Vũ khí sinh học Điện thoại: (+32) 2 584 3962 Thư điện tử: nico.frandi@eeas.europa.eu
Giảm thiểu rủi ro và môi đe dọa CBRN	
Cơ quan Đối ngoại Liên minh châu Âu 242 Rue de la Loi B-1046 Brussels, Bỉ	Ông Bruno Dupré Điều phối viên chính sách Thư điện tử: bruno.dupre@eeas.europa.eu Điện thoại: (+32) 2 2584 6202

Công cụ Hỗ trợ ổn định và An toàn hạt nhân	
Ủy ban châu Âu Tổng vụ Phát triển và Hợp tác quốc tế – EuropeAid 15 Rue de la Science B-1049 Brussels, Bỉ	Ông Adriaan van der Meer Trưởng đơn vị Thư điện tử: adriaan-van-der.meer@ec.europa.eu Điện thoại: (+32) 2 29 93295

PHỤ LỤC I

BIỂU MẪU THÔNG TIN VỀ ĐẦU MỐI LIÊN HỆ QUỐC GIA

Biểu mẫu dưới đây có thể được hoàn thành và gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi để chỉ định Đầu mối liên hệ quốc gia của quốc gia bạn.

Để biết thêm thông tin về Đầu mối liên hệ quốc gia, vui lòng tham khảo Mục IV – Bắt đầu thực hiện: xác định nguồn lực và đầu mối liên hệ của tài liệu hướng dẫn này.

Phiên bản trực tuyến của biểu mẫu có tại:

<http://www.unog.ch/bwc/implementation>.

Nộp qua Email

In Biểu mẫu

VĂN PHÒNG LIÊN HỢP QUỐC TẠI GIƠ-NE-VƠ
VĂN PHÒNG CÁC VẤN ĐỀ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ
CHI NHÁNH GIƠ-NE-VƠ



VĂN PHÒNG LIÊN HỢP QUỐC TẠI GIƠ-NE-VƠ
VĂN PHÒNG CÁC VẤN ĐỀ GIẢI TRỪ QUÂN BỊ
CHI NHÁNH GIƠ-NE-VƠ



Điện thoại: +41 (0)22 917 3463
Fax: +41 (0)22 917 0483
E-mail: bwc@unog.ch
URL: www.unog.ch/bwc

CÔNG ƯỚC VỀ VŨ KHÍ SINH HỌC BIỂU MẪU THÔNG TIN VỀ ĐẦU MỐI LIÊN HỆ QUỐC GIA

Hội nghị Rà soát lần thứ Sáu năm 2006 đã quyết định rằng mỗi quốc gia thành viên nên chỉ định **đầu mối liên hệ quốc gia** để:

- Điều phối việc thực hiện Công ước ở cấp quốc gia và trao đổi thông tin với các quốc gia thành viên khác cùng các tổ chức quốc tế có liên quan;
- Chuẩn bị việc nộp các biện pháp xây dựng lòng tin;
- Thúc đẩy trao đổi thông tin về các nỗ lực hướng tới việc gia nhập Công ước.

Hội nghị đề nghị các quốc gia thành viên thông báo cho Đơn vị Hỗ trợ Thực thi về thông tin liên hệ của đầu mối liên hệ quốc gia. Vui lòng sử dụng biểu mẫu này để cung cấp thông tin cần thiết và gửi lại qua thư điện tử tới bwc@unog.ch, qua fax tới +41 (0)22 917 0483, hoặc qua đường bưu điện.

Lưu ý: Quốc gia của bạn có thể chỉ định một cá nhân cụ thể theo tên hoặc một văn phòng hoặc chức năng (như “Giám đốc, Ban Vũ khí hủy diệt hàng loạt”), điều này có thể thuận tiện hơn nếu thường xuyên có sự thay đổi nhân sự.

QUỐC GIA THÀNH VIÊN:		
HỌ VÀ TÊN ĐẦY ĐỦ CỦA NGƯỜI LIÊN HỆ (không bắt buộc):		
CHỨC VỤ / CHỨC DANH: (ví dụ: “Giám đốc, Ban VKHDHL”)		
CƠ QUAN / BỘ, NGÀNH:		
ĐỊA CHỈ	SỐ NHÀ / HỘP THƯ:	
	THÀNH PHỐ:	
	MÃ BƯU CHÍNH:	
SỐ ĐIỆN THOẠI:		
SỐ FAX:		
ĐỊA CHỈ THƯ ĐIỆN TỬ:		
TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ:		

PHỤ LỤC II

MẪU CÔNG VĂN ĐỀ NGHỊ CUNG CẤP THÔNG TIN PHỤC VỤ CBM

Các mẫu công văn dưới đây được xây dựng nhằm hỗ trợ việc soạn thảo văn bản gửi tới các cơ quan, đơn vị, bộ, ngành hoặc các tổ chức có liên quan để đề nghị cung cấp thông tin. Thông thường, các công văn này sẽ do Đầu mối liên hệ quốc gia về CBM gửi đi nhằm thu thập thông tin cần thiết để hoàn thành bản khai CBM.

Các mẫu công văn có thể cần được điều chỉnh để phù hợp với điều kiện của từng quốc gia, cả về hình thức và nội dung, chẳng hạn như bổ sung tên cơ quan nhận văn bản hoặc yêu cầu cung cấp các loại thông tin cụ thể.

Đầu mối liên hệ quốc gia về CBM có trách nhiệm:

- Xác định các đầu mối phù hợp tại các cơ quan nhà nước và các tổ chức khác trong quốc gia thành viên, đồng thời lưu ý rằng có thể cần liên hệ với nhiều đơn vị khác nhau trong cùng một bộ, ngành hoặc tổ chức.

- Thường xuyên cập nhật thông tin liên hệ của các đầu mối.

- Bảo đảm gửi đúng mẫu công văn và các tài liệu kèm theo tương ứng với từng yêu cầu. Điều này đặc biệt quan trọng trong các năm tiếp theo khi cần rà soát tính chính xác của thông tin đã được cung cấp trước đó hoặc cập nhật các thay đổi về tình trạng của đối tượng khai báo.

Về cơ bản, các mẫu công văn đều có cùng một bố cục; điểm khác biệt chủ yếu nằm ở phần nội dung chính, trong đó các yêu cầu cụ thể sẽ được điều chỉnh tùy theo từng Biện pháp xây dựng lòng tin.

Như có thể thấy từ các mẫu công văn, thông tin phục vụ nhiều Biện pháp xây dựng lòng tin khác nhau có thể được lưu giữ tại cùng một bộ, ngành hoặc cơ quan. Ngược lại, thông tin phục vụ một Biện pháp xây dựng lòng tin cũng có thể được phân tán tại nhiều bộ, ngành hoặc tổ chức khác nhau. Vì vậy, các mẫu công văn được xây dựng theo hướng phù hợp với các tình huống này.

Tuy nhiên, điều này có thể không đúng đối với mọi quốc gia thành viên. Do đó, Đầu mối liên hệ quốc gia cần bảo đảm các yêu cầu cung cấp thông tin được gửi tới đúng cơ quan, đơn vị có khả năng cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác nhất.

Các mẫu công văn đều quy định khoảng thời gian đủ dài để các cơ quan, đơn vị có thể chuẩn bị và gửi thông tin cho Đầu mối liên hệ quốc gia. Điều này giúp Đầu mối liên hệ quốc gia có đủ thời gian tổng hợp và hoàn thiện bản khai CBM, đồng thời làm rõ các điểm chưa thống nhất hoặc còn vướng mắc trong thông tin do các cơ quan cung cấp, bảo đảm hoàn thành việc nộp CBM trước thời hạn hằng năm là ngày 15 tháng 4.

Không nên quy định thời hạn nội bộ quá sát thời hạn ngày 15 tháng 4. Cần dành đủ thời gian để các cơ quan thu thập dữ liệu cần thiết, kiểm tra xem có nội dung cần khai báo hoặc cập nhật hay không, cũng như xử lý các điểm chưa rõ. Ngoài ra, cũng cần tính đến các yếu tố như cán bộ nghỉ phép, vắng mặt hoặc phải thực hiện các nhiệm vụ ưu tiên khác.

Mẫu công văn CBM: Mẫu chung

Kính gửi: [Các bộ, ngành, cơ quan hoặc tổ chức có liên quan]

Về việc đề nghị cung cấp thông tin phục vụ khai báo Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học

[Điền tên quốc gia thành viên] là quốc gia thành viên của Công ước năm 1972 về Cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học), vũ khí độc tố và về tiêu hủy các loại vũ khí này.

Theo các quyết định được thông qua tại các Hội nghị rà soát Công ước vào các năm 1986, 1991 và 2011, các quốc gia thành viên thống nhất hằng năm cung cấp thông tin về một số hoạt động nhất định trong phạm vi quốc gia dưới hình thức Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Thông tin này phải được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước tại Geneva trước ngày 15 tháng 4 hằng năm. Chính sách của quốc gia chúng tôi là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này.

Một số Biện pháp xây dựng lòng tin yêu cầu cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của [điền tên bộ, ngành, cơ quan hoặc tổ chức]. Chúng tôi rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan trong việc cung cấp các thông tin sau:

- Biện pháp xây dựng lòng tin [điền ký hiệu của Biện pháp] [điền nội dung tương ứng của Biện pháp theo Phụ lục A].
- [...] tiếp tục liệt kê tất cả Các Biện pháp xây dựng lòng tin có liên quan đến cơ quan nhận công văn].

Kèm theo công văn này là các biểu mẫu cần hoàn thành và một số thông tin hướng dẫn về Các Biện pháp xây dựng lòng tin để hỗ trợ việc cung cấp thông tin (Phụ lục B). [Đính kèm các biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn đối với Các Biện pháp xây dựng lòng tin được nêu ở trên.]

Phụ lục A cũng cung cấp phần giới thiệu ngắn gọn về toàn bộ Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Nếu Quý cơ quan nhận thấy mình có thể cung cấp thông tin liên quan đến bất kỳ Biện pháp xây dựng lòng tin nào khác ngoài các nội dung đã nêu trên, xin vui lòng thông báo để chúng tôi gửi các biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn tương ứng.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Quý cơ quan gửi lại các biểu mẫu đã hoàn thành bằng [điền phương thức gửi, ví dụ: thư điện tử hoặc đường bưu điện] đến [điền địa chỉ hoặc địa chỉ thư điện tử] chậm nhất vào ngày [điền thời hạn, ví dụ: ngày 31 tháng 01 năm 20XX]. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng hợp các thông tin này thành bản khai CBM cấp quốc gia.

Trong trường hợp Quý cơ quan không phải là đầu mối phù hợp để cung cấp các thông tin nêu trên, kính đề nghị thông báo cho chúng tôi và chuyển công văn này đến cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền và đủ điều kiện cung cấp thông tin chính xác.

[Một số quốc gia thành viên trong những năm gần đây đã công khai bản khai CBM của mình trên phần công khai của trang thông tin điện tử chính thức của Liên hợp quốc về Công ước Vũ khí sinh học. Quốc gia chúng tôi cũng đang xem xét thực hiện việc này đối với các bản khai của mình. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào Quý cơ quan cung cấp không phù hợp để công khai theo hình thức này, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi.]

Xin chân thành cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan. Nếu cần trao đổi thêm hoặc cần cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành các biểu mẫu, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Phụ lục A

Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học và Vũ khí độc tố

Biện pháp xây dựng lòng tin A, Phần 1

Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế rất cao về an toàn sinh học (ví dụ: cấp độ an toàn sinh học 4 của WHO hoặc tiêu chuẩn tương đương). Trường hợp không có cơ sở nào đáp ứng các tiêu chí này thì khai báo cấp độ an toàn sinh học cao nhất đang được áp dụng trên lãnh thổ của quốc gia thành viên.

Biện pháp xây dựng lòng tin A, Phần 2 (i), (ii) và (iii)

Trao đổi thông tin về các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia trong lĩnh vực phòng thủ sinh học, bao gồm khai báo về các cơ sở dành một phần đáng kể nguồn lực cho chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học.

Biện pháp xây dựng lòng tin B

Trao đổi thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm ở người, động vật và thực vật, cũng như các sự cố tương tự do độc tố gây ra có dấu hiệu khác với quy luật thông thường.

Biện pháp xây dựng lòng tin C

Khuyến khích công bố kết quả các nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước và thúc đẩy việc sử dụng các tri thức thu được từ các nghiên cứu này.

Biện pháp xây dựng lòng tin E

Khai báo các văn bản pháp luật, quy định và các biện pháp khác đã được ban hành để thực hiện Công ước, bao gồm các quy định liên quan đến việc cấm vũ khí sinh học và các hoạt động có liên quan, việc xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu các vi sinh vật gây bệnh và độc tố, cũng như các biện pháp về an toàn sinh học và an ninh sinh học.

Biện pháp xây dựng lòng tin F

Khai báo các hoạt động trong quá khứ thuộc các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1946.

Biện pháp xây dựng lòng tin G

Khai báo về các cơ sở sản xuất các loại vắc-xin đã được quốc gia thành viên cấp phép sử dụng để bảo vệ sức khỏe con người.

Phụ lục B

Thông tin bổ sung về Các Biện pháp xây dựng lòng tin

[Cần bổ sung thông tin đối với từng Biện pháp xây dựng lòng tin mà công văn này yêu cầu cung cấp thông tin. Nội dung nên bao gồm các quy định về thể thức thực hiện của Biện pháp tương ứng và có thể bổ sung thêm các nội dung liên quan được trích từ các phần tương ứng của tài liệu Hướng dẫn tham gia Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học, và/hoặc các hướng dẫn cụ thể do Đầu mối liên hệ quốc gia về CBM xây dựng.]

Mẫu công văn CBM: Bộ Y tế

Kính gửi: Bộ Y tế

Về việc đề nghị cung cấp thông tin phục vụ khai báo Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học

[Điền tên quốc gia thành viên] là quốc gia thành viên của Công ước năm 1972 về Cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học), vũ khí độc tố và về tiêu hủy các loại vũ khí này.

Theo các quyết định được thông qua tại các Hội nghị rà soát Công ước vào các năm 1986, 1991 và 2011, các quốc gia thành viên thống nhất hằng năm cung cấp thông tin về một số hoạt động nhất định trong phạm vi quốc gia dưới hình thức Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Thông tin này phải được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước tại Geneva trước ngày 15 tháng 4 hằng năm. Chính sách của quốc gia chúng tôi là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này.

Một số Biện pháp xây dựng lòng tin yêu cầu cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Y tế. Chúng tôi rất mong nhận được sự phối hợp của Quý Bộ trong việc cung cấp các thông tin sau:

1. Biện pháp xây dựng lòng tin A, Phần 1. Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế rất cao về an toàn sinh học (ví dụ: cấp độ an toàn sinh học 4 của WHO hoặc tiêu chuẩn tương đương); trường hợp không có cơ sở nào đáp ứng các tiêu chí này thì khai báo cấp độ an toàn sinh học cao nhất đang được áp dụng trên lãnh thổ quốc gia.

2. Biện pháp xây dựng lòng tin B. Trao đổi thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm ở người, động vật và thực vật, cũng như các sự cố tương tự do độc tố gây ra có dấu hiệu khác với quy luật thông thường.

3. Biện pháp xây dựng lòng tin C. Khuyến khích công bố kết quả các nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước và thúc đẩy việc sử dụng các tri thức thu được từ các nghiên cứu này.

4. Biện pháp xây dựng lòng tin E. Khai báo các văn bản pháp luật, quy định và các biện pháp khác được ban hành để thực hiện Công ước, bao gồm các quy định liên quan đến việc cấm vũ khí sinh học và các hoạt động có liên quan, việc xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu các vi sinh vật gây bệnh và độc tố, cũng như các biện pháp về an toàn sinh học và an ninh sinh học.

5. Biện pháp xây dựng lòng tin G. Khai báo về các cơ sở sản xuất các loại vắc-xin đã được quốc gia thành viên cấp phép sử dụng để bảo vệ sức khỏe con người.

Kèm theo công văn này là các biểu mẫu cần hoàn thành và một số thông tin hướng dẫn về Các Biện pháp xây dựng lòng tin để hỗ trợ việc cung cấp thông tin (Phụ lục B).

Phụ lục A cũng cung cấp phần giới thiệu ngắn gọn về toàn bộ Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Nếu Quý Bộ nhận thấy mình có thể cung cấp thông tin liên quan đến bất kỳ Biện pháp xây dựng lòng tin nào khác ngoài các nội dung nêu trên, xin vui lòng thông báo để chúng tôi gửi các biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn tương ứng.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Bộ gửi lại các biểu mẫu đã hoàn thành bằng [điền phương thức gửi, ví dụ: thư điện tử hoặc đường bưu điện] đến [điền địa chỉ hoặc địa chỉ thư điện tử] chậm nhất vào ngày [điền thời hạn, ví dụ: ngày 31 tháng 01 năm 20XX]. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng hợp các thông tin này thành bản khai CBM cấp quốc gia.

Trong trường hợp Quý Bộ không phải là đầu mối phù hợp để cung cấp các thông tin nêu trên, kính đề nghị thông báo cho chúng tôi và chuyển công văn này đến cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền và đủ điều kiện cung cấp thông tin chính xác.

[Một số quốc gia thành viên trong những năm gần đây đã công khai bản khai CBM của mình trên phần công khai của trang thông tin điện tử chính thức của Liên hợp quốc về Công ước Vũ khí sinh học. Quốc gia chúng tôi cũng đang xem xét thực hiện việc này đối với các bản khai của mình. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào Quý Bộ cung cấp không phù hợp để công khai theo hình thức này, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi.]

Xin chân thành cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ. Nếu cần trao đổi thêm hoặc cần cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành các biểu mẫu, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

[Đính kèm Phụ lục A và B của mẫu công văn chung, nếu phù hợp.]

Mẫu công văn CBM: Bộ Nông nghiệp

Kính gửi: Bộ Nông nghiệp

Về việc đề nghị cung cấp thông tin phục vụ khai báo Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học

[Điền tên quốc gia thành viên] là quốc gia thành viên của Công ước năm 1972 về Cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học), vũ khí độc tố và về tiêu hủy các loại vũ khí này.

Theo các quyết định được thông qua tại các Hội nghị rà soát Công ước vào các năm 1986, 1991 và 2011, các quốc gia thành viên thống nhất hằng năm cung cấp thông tin về một số hoạt động nhất định trong phạm vi quốc gia dưới hình thức Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Thông tin này phải được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước tại Geneva trước ngày **15 tháng 4** hằng năm. Chính sách của quốc gia chúng tôi là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này.

Một số Biện pháp xây dựng lòng tin yêu cầu cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Nông nghiệp. Chúng tôi rất mong nhận được sự phối hợp của Quý Bộ trong việc cung cấp các thông tin sau:

1. Biện pháp xây dựng lòng tin A, Phần 1. Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế rất cao về an toàn sinh học (ví dụ: cấp độ an toàn sinh học 4 của WHO hoặc tiêu chuẩn tương đương); trường hợp không có cơ sở nào đáp ứng các tiêu chí này thì khai báo cấp độ an toàn sinh học cao nhất đang được áp dụng trên lãnh thổ quốc gia.

2. Biện pháp xây dựng lòng tin B. Trao đổi thông tin về các đợt bùng phát bệnh truyền nhiễm ở người, động vật và thực vật, cũng như các sự cố tương tự do độc tố gây ra có dấu hiệu khác với quy luật thông thường.

3. Biện pháp xây dựng lòng tin C. Khuyến khích công bố kết quả các nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước và thúc đẩy việc sử dụng các tri thức thu được từ các nghiên cứu này.

4. Biện pháp xây dựng lòng tin E. Khai báo các văn bản pháp luật, quy định và các biện pháp khác được ban hành để thực hiện Công ước, bao gồm các quy định liên quan đến việc cấm vũ khí sinh học và các hoạt động có liên quan, việc xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu các vi sinh vật gây bệnh và độc tố, cũng như các biện pháp về an toàn sinh học và an ninh sinh học.

Kèm theo công văn này là các biểu mẫu cần hoàn thành và một số thông tin hướng dẫn về Các Biện pháp xây dựng lòng tin để hỗ trợ việc cung cấp thông tin (Phụ lục B).

Phụ lục A cũng cung cấp phần giới thiệu ngắn gọn về toàn bộ Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Nếu Quý Bộ nhận thấy mình có thể cung cấp thông tin liên quan đến bất kỳ Biện pháp xây dựng lòng tin nào khác ngoài các nội dung

nêu trên, xin vui lòng thông báo để chúng tôi gửi các biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn tương ứng.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Bộ gửi lại các biểu mẫu đã hoàn thành bằng [điền phương thức gửi, ví dụ: thư điện tử hoặc đường bưu điện] đến [điền địa chỉ hoặc địa chỉ thư điện tử] chậm nhất vào ngày [điền thời hạn, ví dụ: ngày 31 tháng 01 năm 20XX]. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng hợp các thông tin này thành bản khai CBM cấp quốc gia.

Trong trường hợp Quý Bộ không phải là đầu mối phù hợp để cung cấp các thông tin nêu trên, kính đề nghị thông báo cho chúng tôi và chuyển công văn này đến cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền và đủ điều kiện cung cấp thông tin chính xác.

[Một số quốc gia thành viên trong những năm gần đây đã công khai bản khai CBM của mình trên phần công khai của trang thông tin điện tử chính thức của Liên hợp quốc về Công ước Vũ khí sinh học. Quốc gia chúng tôi cũng đang xem xét thực hiện việc này đối với các bản khai của mình. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào Quý Bộ cung cấp không phù hợp để công khai theo hình thức này, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi.]

Xin chân thành cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ. Nếu cần trao đổi thêm hoặc cần cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành các biểu mẫu, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

[Đính kèm Phụ lục A và B của mẫu công văn chung, nếu phù hợp.]

Mẫu công văn CBM: Bộ Quốc phòng

Kính gửi: Bộ Quốc phòng

Về việc đề nghị cung cấp thông tin phục vụ khai báo Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học

[Điền tên quốc gia thành viên] là quốc gia thành viên của Công ước năm 1972 về Cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học), vũ khí độc tố và về tiêu hủy các loại vũ khí này.

Theo các quyết định được thông qua tại các Hội nghị rà soát Công ước vào các năm 1986, 1991 và 2011, các quốc gia thành viên thống nhất hằng năm cung cấp thông tin về một số hoạt động nhất định trong phạm vi quốc gia dưới hình thức Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Thông tin này phải được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước tại Geneva trước ngày 15 tháng 4 hằng năm. Chính sách của quốc gia chúng tôi là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này.

Một số Biện pháp xây dựng lòng tin yêu cầu cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Quốc phòng. Chúng tôi rất mong nhận được sự phối hợp của Quý Bộ trong việc cung cấp các thông tin sau:

1. Biện pháp xây dựng lòng tin A, Phần 1. Trao đổi thông tin về các trung tâm nghiên cứu và phòng thí nghiệm đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia hoặc quốc tế rất cao về an toàn sinh học (ví dụ: cấp độ an toàn sinh học 4 của WHO hoặc tiêu chuẩn tương đương); trường hợp không có cơ sở nào đáp ứng các tiêu chí này thì khai báo cấp độ an toàn sinh học cao nhất đang được áp dụng trên lãnh thổ quốc gia.

2. Biện pháp xây dựng lòng tin A, Phần 2 (i), (ii) và (iii). Trao đổi thông tin về các chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia trong lĩnh vực phòng thủ sinh học, bao gồm khai báo về các cơ sở dành một phần đáng kể nguồn lực cho chương trình nghiên cứu và phát triển quốc gia về phòng thủ sinh học.

3. Biện pháp xây dựng lòng tin C. Khuyến khích công bố kết quả các nghiên cứu sinh học có liên quan trực tiếp đến Công ước và thúc đẩy việc sử dụng các tri thức thu được từ các nghiên cứu này.

4. Biện pháp xây dựng lòng tin F. Khai báo các hoạt động trong quá khứ thuộc các chương trình nghiên cứu và phát triển sinh học có mục đích tấn công và/hoặc phòng thủ kể từ ngày 01 tháng 01 năm 1946.

Kèm theo công văn này là các biểu mẫu cần hoàn thành và một số thông tin hướng dẫn về Các Biện pháp xây dựng lòng tin để hỗ trợ việc cung cấp thông tin (Phụ lục B).

Phụ lục A cũng cung cấp phần giới thiệu ngắn gọn về toàn bộ Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Nếu Quý Bộ nhận thấy mình có thể cung cấp thông tin liên quan đến bất kỳ Biện pháp xây dựng lòng tin nào khác ngoài các nội dung

nêu trên, xin vui lòng thông báo để chúng tôi gửi các biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn tương ứng.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Quý Bộ gửi lại các biểu mẫu đã hoàn thành bằng [điền phương thức gửi, ví dụ: thư điện tử hoặc đường bưu điện] đến [điền địa chỉ hoặc địa chỉ thư điện tử] chậm nhất vào ngày [điền thời hạn, ví dụ: ngày 31 tháng 01 năm 20XX]. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng hợp các thông tin này thành bản khai CBM cấp quốc gia.

Trong trường hợp Quý Bộ không phải là đầu mối phù hợp để cung cấp các thông tin nêu trên, kính đề nghị thông báo cho chúng tôi và chuyển công văn này đến cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền và đủ điều kiện cung cấp thông tin chính xác.

[Một số quốc gia thành viên trong những năm gần đây đã công khai bản khai CBM của mình trên phần công khai của trang thông tin điện tử chính thức của Liên hợp quốc về Công ước Vũ khí sinh học. Quốc gia chúng tôi cũng đang xem xét thực hiện việc này đối với các bản khai của mình. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào Quý Bộ cung cấp không phù hợp để công khai theo hình thức này, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi.]

Xin chân thành cảm ơn sự phối hợp của Quý Bộ. Nếu cần trao đổi thêm hoặc cần cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành các biểu mẫu, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

[Đính kèm Phụ lục A và B của mẫu công văn chung, nếu phù hợp.]

Mẫu công văn CBM: Cơ quan pháp luật và cơ quan quản lý

Kính gửi: Bộ Tư pháp; Bộ Thương mại/Cơ quan quản lý xuất khẩu

Về việc đề nghị cung cấp thông tin phục vụ khai báo Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học

[Điền tên quốc gia thành viên] là quốc gia thành viên của Công ước năm 1972 về Cấm phát triển, sản xuất và tàng trữ vũ khí vi khuẩn (sinh học), vũ khí độc tố và về tiêu hủy các loại vũ khí này.

Theo các quyết định được thông qua tại các Hội nghị rà soát Công ước vào các năm 1986, 1991 và 2011, các quốc gia thành viên thống nhất hằng năm cung cấp thông tin về một số hoạt động nhất định trong phạm vi quốc gia dưới hình thức Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Thông tin này phải được gửi đến Đơn vị hỗ trợ thực thi Công ước tại Geneva trước ngày **15 tháng 4** hằng năm. Chính sách của quốc gia chúng tôi là thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này.

Một trong Các Biện pháp xây dựng lòng tin yêu cầu cung cấp thông tin thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ của Bộ Tư pháp/Bộ Thương mại/Cơ quan quản lý xuất khẩu. Chúng tôi rất mong nhận được sự phối hợp của Quý cơ quan trong việc cung cấp các thông tin sau:

Biện pháp xây dựng lòng tin E. Khai báo các văn bản pháp luật, quy định và các biện pháp khác được ban hành để thực hiện Công ước, bao gồm các quy định liên quan đến việc cấm vũ khí sinh học và các hoạt động có liên quan, việc xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu các vi sinh vật gây bệnh và độc tố, cũng như các biện pháp về an toàn sinh học và an ninh sinh học.

Kèm theo công văn này là biểu mẫu cần hoàn thành và một số thông tin hướng dẫn về Biện pháp xây dựng lòng tin nhằm hỗ trợ việc cung cấp thông tin (Phụ lục B).

Phụ lục A cũng cung cấp phần giới thiệu ngắn gọn về toàn bộ Các Biện pháp xây dựng lòng tin. Nếu Quý cơ quan nhận thấy mình có thể cung cấp thông tin liên quan đến bất kỳ Biện pháp xây dựng lòng tin nào khác ngoài nội dung nêu trên, xin vui lòng thông báo để chúng tôi gửi các biểu mẫu và tài liệu hướng dẫn tương ứng.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Quý cơ quan gửi lại biểu mẫu đã hoàn thành bằng [điền phương thức gửi, ví dụ: thư điện tử hoặc đường bưu điện] đến [điền địa chỉ hoặc địa chỉ thư điện tử] chậm nhất vào ngày [điền thời hạn, ví dụ: ngày 31 tháng 01 năm 20XX]. Sau đó, chúng tôi sẽ tổng hợp các thông tin này thành bản khai CBM cấp quốc gia.

Trong trường hợp Quý cơ quan không phải là đầu mối phù hợp để cung cấp các thông tin nêu trên, kính đề nghị thông báo cho chúng tôi và chuyển công văn này đến cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền và đủ điều kiện cung cấp thông tin chính xác.

[Một số quốc gia thành viên trong những năm gần đây đã công khai bản khai CBM của mình trên phần công khai của trang thông tin điện tử chính thức của Liên hợp quốc về Công ước Vũ khí sinh học. Quốc gia chúng tôi cũng đang xem xét thực hiện việc này đối với các bản khai của mình. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào Quý cơ quan cung cấp không phù hợp để công khai theo hình thức này, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi.]

Xin chân thành cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan. Nếu cần trao đổi thêm hoặc cần cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ việc hoàn thành biểu mẫu, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

[Đính kèm Phụ lục A và B của mẫu công văn chung, nếu phù hợp.]

Mẫu công văn CBM: Các năm tiếp theo

Mẫu này được sử dụng trong các năm sau năm đầu tiên, khi các công văn đề nghị cung cấp thông tin ban đầu đã được gửi đến các bộ, ngành, cơ quan và tổ chức liên quan.

Đề nghị cung cấp thông tin hằng năm phục vụ khai báo Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học

Hiện nay, chúng tôi đang tiến hành thu thập thông tin để chuẩn bị bản khai hằng năm về Các Biện pháp xây dựng lòng tin theo Công ước Vũ khí sinh học. Bản khai CBM của quốc gia phải được gửi trước ngày 15 tháng 4 năm 20XX. Chúng tôi tiếp tục xác định việc thực hiện đầy đủ nghĩa vụ này là một mục tiêu quan trọng trong chính sách của quốc gia và rất mong tiếp tục nhận được sự phối hợp, hỗ trợ của Quý cơ quan.

Trường hợp 1: Năm trước không có nội dung khai báo

Trong công văn trao đổi của chúng tôi về nội dung này vào năm trước (đính kèm theo công văn đề nghị ban đầu), chúng tôi đã xác định rằng [điền tên bộ, ngành, cơ quan hoặc tổ chức] không có nội dung cần khai báo đối với Biện pháp xây dựng lòng tin [điền A, B... tùy trường hợp].

Kính đề nghị Quý cơ quan xác nhận liệu tình trạng này hiện vẫn còn đúng hay không.

Hoặc

Trường hợp 2: Năm trước có nội dung khai báo

Trong công văn trao đổi của chúng tôi về nội dung này vào năm trước (đính kèm theo công văn đề nghị ban đầu), chúng tôi đã xác định rằng [điền tên bộ, ngành, cơ quan hoặc tổ chức] có thông tin cần khai báo đối với Biện pháp xây dựng lòng tin [điền A, B... tùy trường hợp].

Kính đề nghị Quý cơ quan xác nhận liệu tình trạng này hiện vẫn còn đúng hay không; hoặc cho biết có bất kỳ thay đổi nào (nếu có thì nêu rõ nội dung thay đổi) làm phát sinh yêu cầu cập nhật bản khai CBM hay không.

Để thuận tiện cho việc đối chiếu, chúng tôi gửi kèm bản sao thông tin về Biện pháp xây dựng lòng tin [điền A, B... tùy trường hợp] đã được khai báo trong năm trước.

Chúng tôi trân trọng đề nghị Quý cơ quan phản hồi bằng [điền phương thức gửi, ví dụ: thư điện tử hoặc đường bưu điện] chậm nhất vào ngày [điền thời hạn, ví dụ: ngày 31 tháng 01 năm 20XX].

Trong trường hợp Quý cơ quan không phải là đầu mối phù hợp để cung cấp các thông tin nêu trên, kính đề nghị thông báo cho chúng tôi và chuyển công văn này đến cá nhân hoặc đơn vị có thẩm quyền và đủ điều kiện cung cấp thông tin chính xác.

[Trong những năm trước, bản khai CBM của quốc gia chúng tôi đã được công khai trên phần công khai của trang thông tin điện tử chính thức của Liên hợp quốc về Công ước Vũ khí sinh học và chúng tôi dự kiến tiếp tục thực hiện việc này trong năm nay. Vì vậy, nếu có bất kỳ thông tin nào Quý cơ quan cung cấp không phù hợp để công khai theo hình thức này, xin vui lòng thông báo cho chúng tôi.]

Xin chân thành cảm ơn sự phối hợp của Quý cơ quan. Nếu cần trao đổi thêm hoặc cần cung cấp thêm thông tin để hỗ trợ việc chuẩn bị nội dung theo yêu cầu, xin vui lòng liên hệ với chúng tôi.

[Đính kèm Phụ lục A và B của mẫu công văn chung, nếu phù hợp.]

Ấn phẩm này được biên soạn với sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu. Nội dung của ấn phẩm hoàn toàn thuộc trách nhiệm của Văn phòng Liên hợp quốc về Các vấn đề Giải trừ quân bị và không phản ánh quan điểm của Liên minh châu Âu dưới bất kỳ hình thức nào.

Liên minh châu Âu bao gồm 28 quốc gia thành viên đã quyết định từng bước gắn kết kiến thức, nguồn lực và lợi ích chung của mình. Trong suốt 50 năm mở rộng, Liên minh châu Âu đã xây dựng một khu vực ổn định, dân chủ và phát triển bền vững, đồng thời duy trì sự đa dạng văn hóa, tinh thần khoan dung và các quyền tự do của mỗi cá nhân.

Liên minh châu Âu cam kết chia sẻ những thành tựu và các giá trị của mình với các quốc gia và các dân tộc trên toàn thế giới.